

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BC-UBND

Quảng Trị, ngày tháng năm 2021

BÁO CÁO

Dự kiến Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ và vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 của tỉnh

I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2016 - 2020:

1. Về tình hình nguồn vốn: 12.322,363 tỷ đồng, trong đó:

1.1. Nguồn vốn ngân sách địa phương: 4.762,987 tỷ đồng, trong đó: (1) Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí: 1.986,306 tỷ đồng; (2) Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất: 2.579,088 tỷ đồng; (3) Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết: 197,593 tỷ đồng.

1.2. Chương trình mục tiêu quốc gia: 1.066,910 tỷ đồng, bao gồm:

Chương trình MTQG xây nông thôn mới: 652,4 tỷ đồng.

Chương trình MTQG giảm nghèo: 414,51 tỷ đồng.

1.3. Chương trình hỗ trợ nhà ở cho người có công theo Quyết định 22/QĐ-TTg: 136,23 tỷ đồng.

1.4. Chương trình hỗ trợ mục tiêu: 5.469,236 tỷ đồng

- Vốn trong nước 2.473,731 tỷ đồng.

- Vốn nước ngoài: 2.995,505 tỷ đồng.

1.5. Trái phiếu Chính phủ: 887 tỷ đồng.

2. Về tổ chức thực hiện:

Tỉnh đã chủ động và kịp thời ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, điều hành công tác quản lý đầu tư công; nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu trong huy động nguồn lực, quản lý đầu tư, quản trị dự án sau đầu tư; hạn chế phát sinh nhu cầu vốn gây áp lực cho ngân sách. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát các dự án; khắc phục kịp thời những hạn chế, yếu kém, tiêu cực trong quản lý đầu tư. Đẩy mạnh phân cấp các nguồn vốn đầu tư công gắn với việc tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cấp, các ngành đã tạo sự chủ động, linh hoạt trong bố trí vốn cho các công trình, dự án, đáp ứng kịp thời nhu cầu và định hướng phát triển của tỉnh. Nhờ đó đã từng bước lập lại kỷ cương, nâng cao chất lượng, hiệu quả sử dụng nguồn lực đầu tư công và hiệu lực quản lý nhà nước; đảm bảo tính công khai, minh bạch trong quá trình phân bổ vốn, quản lý và triển khai thực hiện các dự án đầu tư công.

Công tác quản lý đầu tư công được tăng cường và thắt chặt, nhất là việc kiểm soát chặt chẽ quy mô hạng mục và tổng mức đầu tư của từng dự án nhằm đảm bảo khả năng cân đối, bố trí vốn thực hiện hoàn thành đúng thời gian quy định. Điều chỉnh lại quy mô và giải pháp kỹ thuật của từng dự án, phân kỳ đầu tư phù hợp với hạn mức vốn dự kiến cân đối giai đoạn 2016-2020 nhằm đảm bảo hiệu quả đầu tư. Ưu tiên thực hiện hoàn thành những hạng mục thực sự cấp thiết phục vụ mục tiêu chính của dự án; các hạng mục còn lại giãn tiến độ để lại đầu tư sau năm 2020.

UBND tỉnh đã chỉ đạo các ngành chức năng liên quan nghiêm túc thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư; thẩm tra thiết kế kỹ thuật bản vẽ thi công-dự toán; đấu thầu; giải phóng mặt bằng; thực hiện đúng thẩm quyền và xác định rõ trách nhiệm cá nhân trong thực hiện các dự án đầu tư công theo quy định của pháp luật. Công tác quản lý và sử dụng nguồn vốn đầu tư công đi vào nề nếp, chặt chẽ hơn, hạn chế tình trạng thất thoát, lãng phí. Nâng cao trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị trong quản lý, sử dụng vốn đầu tư công, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu. Tình trạng nợ đọng xây dựng cơ bản được kiểm soát chặt chẽ hơn và có lộ trình xử lý dứt điểm.

UBND tỉnh đã chỉ đạo duy trì thường xuyên chế độ giao ban XDCB hàng quý; xử lý kịp thời các khó khăn, vướng mắc của các chủ đầu tư, nhất là trong công tác giải phóng mặt bằng; thường xuyên đôn đốc, kiểm tra để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các công trình, dự án đã được bố trí vốn. Quản lý chặt chẽ việc sử dụng nguồn vốn dự phòng. Tăng cường kỷ cương trong công tác xử lý vốn tạm ứng, thanh quyết toán các dự án hoàn thành.

Công tác thanh toán, giải ngân vốn đầu tư xây dựng cơ bản được UBND tỉnh đặc biệt quan tâm chỉ đạo, các cơ quan chức năng thường xuyên đôn đốc, hướng dẫn, cụ thể: (1) kịp thời giải quyết các khó khăn vướng mắc để các dự án được triển khai thực hiện theo đúng tiến độ; (2) tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các chủ đầu tư, rút ngắn thời gian kiểm soát hồ sơ, đẩy nhanh tiến độ giải ngân; (3) kiểm soát chặt chẽ mọi khoản chi theo Luật Ngân sách nhà nước và các quy định của cấp có thẩm quyền về cấp phát vốn; (4) tích cực chỉ đạo các nhà thầu tập trung nhân lực, máy móc đẩy nhanh tiến độ thi công, sớm đưa công trình vào khai thác sử dụng; đẩy nhanh tiến độ thanh toán vốn đầu tư của công trình; (5) kịp thời điều chuyển của các dự án không có khả năng giải ngân sang các dự án có tỷ lệ giải ngân tốt.

Trong quá trình triển khai thực hiện hàng năm nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn đầu tư công; UBND tỉnh đã nghiêm túc thực hiện việc điều chỉnh kế hoạch vốn được giao theo đúng quy định của HĐND tỉnh cụ thể: “điều chuyển kế hoạch vốn được giao đối với các dự án đến hết ngày 30/6 chưa giải ngân; các dự án đến hết ngày 30/9 giải ngân dưới 60% vốn kế hoạch; các dự án đến hết ngày 30/11 giải ngân dưới 85% vốn kế hoạch”. Đồng thời, căn cứ điều kiện phát triển của địa phương cũng như tình hình thực hiện của các ngành, lĩnh vực, UBND tỉnh đã chủ động rà soát và báo cáo Thường trực HĐND tỉnh thống

nhất thực hiện điều chỉnh kế hoạch vốn của các công trình, dự án trong nội bộ từng nguồn vốn hằng năm.

Trong điều kiện nguồn vốn đầu tư công gặp nhiều khó khăn, UBND tỉnh đã tích cực, chủ động chỉ đạo triển khai thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp tích cực như cải thiện môi trường đầu tư; thực hiện tốt chính sách hỗ trợ, ưu đãi đầu tư và xúc tiến đầu tư; đổi mới và nâng cao chất lượng công tác quy hoạch để tạo môi trường pháp lý ổn định cho việc huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư; đẩy mạnh thực hiện các chương trình, dự án đầu tư với phương thức nhà nước và nhân dân cùng làm; xã hội hóa đầu tư trong một số ngành thuộc lĩnh vực văn hóa - xã hội và bảo vệ môi trường,...; khai thác hợp lý, hiệu quả nguồn quỹ đất, thực hiện đấu giá đất để xây dựng và phát triển kết cấu hạ tầng. Thực hiện nghiêm túc việc phân bổ, quản lý vốn đầu tư XDCB cũng như các chính sách, quy định của pháp luật về quản lý đầu tư. Với những nỗ lực đó, đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc thu hút nguồn vốn của các thành phần và khu vực kinh tế; đảm bảo huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển của địa phương, nhất là các lĩnh vực phát triển hạ tầng, phát triển nông nghiệp, công nghiệp, thương mại dịch vụ... góp phần quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong giai đoạn vừa qua.

3. Về một số kết quả đã đạt được:

Lĩnh vực công nghiệp - thương mại:

Công nghiệp: Đã đầu tư hoàn thành tuyến đường trung tâm dọc KKT Đông Nam với tổng chiều dài 24,7 km; cơ bản hoàn thành 02 khu tái định cư với tổng diện tích 55 ha; hoàn thành kết cấu hạ tầng thiết yếu tại 04 cụm công nghiệp¹. Nhờ vậy, đã góp phần tích cực trong việc kêu gọi thu hút đầu tư vào các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

Thương mại: 11 công trình chợ² với trên 1.000 điểm kinh doanh đã được đầu tư hoàn thành hạ tầng và đưa vào sử dụng, tạo điều kiện thuận cho việc trao đổi hàng hóa của nhân dân trên địa bàn.

Lĩnh vực nông nghiệp - phát triển nông thôn: trong giai đoạn 2016-2020 lĩnh vực nông nghiệp, phát triển nông thôn được quan tâm đầu tư, nhờ vậy đã nâng tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 94,5%; Đảm bảo công suất tưới, tiêu chủ động cho 85% - 90% diện tích đất canh tác lúa; đảm bảo tưới chủ động cho vùng màu và cây công nghiệp là 5.500 - 6.000ha; cấp nước cho nuôi trồng thủy sản là 4.000 ha; ngăn mặn giữ ngọt chống lũ sớm, lũ tiểu mãn là 7.500ha; đảm bảo tiêu thoát nước và bảo vệ môi trường nước với tổng diện tích 13.500ha. Đã có 02 khu neo đậu tránh trú bão cho tàu thuyền được hoàn thành đưa vào sử dụng, đảm bảo nhu cầu cho 500 tàu thuyền vào neo đậu tránh trú bão; hoàn thiện cơ sở hạ tầng cho 150ha khu nuôi trồng thủy sản tập trung. Tổng sản lượng thủy sản năm 2020 đạt trên 37.000 tấn. Diện tích trồng

¹ CCN Quốc lộ 9D, CCN Cửa Tùng, CCN Hải Lệ, CCN Cam Hiếu.

² Chợ Hải Hòa, chợ Hải Dương, chợ Hải Trường, chợ Hải Xuân, chợ Hải Ba, chợ Gio Mai, chợ Hải Thái, Chợ Kên, chợ Triệu Đông, chợ đêm phường 3, chợ đêm phường 2

rừng tập trung bình quân hàng năm đạt 7.680 ha, vượt xa mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI đã đề ra. Hệ thống đường lâm nghiệp phục vụ sản xuất vùng nguyên liệu tập trung được đầu tư tại 06 huyện (Hải Lăng, Triệu Phong, Vĩnh Linh, Gio Linh, Hướng Hóa và Đakrông) làm mới khoảng 44,6km; nhờ vậy nâng tỷ lệ độ che phủ rừng năm 2020 đạt 50,1% và vượt so với cả nước là 3%; Diện tích được cấp chứng chỉ rừng FSC đến năm 2020 tăng 144% so với năm 2015. Đến nay đã có 57 xã đạt chuẩn nông thôn mới chiếm 56,4%; 03 xã nông thôn mới kiểu mẫu và 01 huyện nông thôn mới.

Lĩnh vực giao thông - vận tải: có 32 công trình giao thông hoàn với tổng chiều dài 286km đường thành đưa vào sử dụng tạo điều kiện thuận lợi cho người dân đi lại, giao thương, góp phần chỉnh trang đô thị cũng như phát triển kinh tế tại địa phương.

Lĩnh vực cấp điện - cấp nước: dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Quảng Trị đã cấp điện cho 48 thôn, bản thuộc 14 xã trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Lĩnh vực xử lý rác thải, nước thải, tài nguyên môi trường: Hệ thống xử lý nước thải KCN Quán Ngang được đầu tư cơ bản hoàn thành giai đoạn 1 với công suất xử lý nước thải 1.500 m³/ngày đêm, đáp ứng yêu cầu xử lý nước thải cho KCN. Xử lý đóng cửa và nâng cấp đầu tư xây dựng bãi rác tập trung huyện Triệu Phong và Đakrông. Hoàn thành xử lý cải tạo và phục hồi môi trường tồn lưu hóa chất và bảo vệ thực vật tại 04 điểm (xã Ba Lòng, huyện Đakrông; xã Trung Hải, huyện Gio Linh; Nông trường Quyết Thắng; Nông trường Bến Hải)

Lĩnh vực công công - kho tàng: đã đầu tư xây dựng và hoàn thiện cơ sở hạ tầng thiết yếu nhiều khu đô thị mới như: Khu đô thị Bắc sông Hiếu giai đoạn 1, Khu đô thị Nam Đông Hà giai đoạn 3 với tổng diện tích khu đô thị mới được đầu tư hoàn thành khoảng 120 ha.

Lĩnh vực khoa học, công nghệ, thông tin truyền thông: được chú trọng đầu tư, hệ thống trang thiết bị đo lường, thử nghiệm, phòng thí nghiệm được tăng cường đã góp phần nâng cao công tác nghiên cứu, chuyên gia, ứng dụng các tiến bộ KH&CN trong tất cả các lĩnh vực. Việc đầu tư hoàn thiện Trung tâm phát triển công nghệ sinh học và hệ thống trang thiết bị và Trạm ứng dụng khoa học công nghệ Bắc Hướng Hóa đã trang bị cơ sở vật chất và thiết bị hiện đại trong lĩnh vực công nghệ sinh học, đảm bảo đủ năng lực để nghiên cứu, ứng dụng, hoàn thiện, đổi mới công nghệ trong sản xuất, chế biến sâu theo hướng nâng cao giá trị các sản phẩm, nguyên liệu có tính đặc thù của địa phương như Chè Vằng, Cà gai leo – Linh chi, các loại thực phẩm, thức uống bảo vệ sức khỏe như Đông trùng hạ thảo, rượu tỏi đen, các cây hoa và cây dược liệu như Ba Kích, Sâm Cau, các loại hoa Lan, hoa Ly, hoa Chuông ...có giá trị kinh tế, sức cạnh tranh cao, có ý nghĩa trong thực tiễn đời sống. Đầu tư hoàn thành dự án Trung tâm truyền hình kỹ thuật số và một số hạng mục phụ trợ Đài PT-TH Quảng Trị nhằm đáp ứng điều kiện làm việc để nâng cao năng lực tổ chức sản xuất và chất lượng chương trình truyền hình của Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh thực hiện lộ trình số hóa truyền dẫn phát sóng truyền hình số mặt đất và

phát sóng quảng bá truyền hình trên vệ tinh vinasat phục vụ nhu cầu xem truyền hình của người dân, hoàn thành nhiệm vụ chính trị được giao.

Lĩnh vực văn hóa - thể thao - du lịch: Đã cơ bản đầu tư hoàn thiện các thiết chế văn hóa, thể dục thể thao ở tất cả các cấp góp phần vào nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới của tỉnh. Hỗ trợ Thành phố Đông Hà hoàn thành công trình Nhà văn hóa Thành phố Đông Hà nhằm hỗ trợ mục tiêu đưa Đông Hà lên đô thị loại II vào năm 2020. Đầu tư xây dựng hoàn thành hạ tầng khu dịch vụ du lịch cộng đồng Gio Hải nhằm đáp ứng nhu cầu du lịch nghỉ dưỡng biển của du khách và người dân với tổng mức đầu tư là 45,05 tỷ đồng.

Lĩnh vực giáo dục - đào tạo: Hệ thống các trường học được quan tâm đầu tư với quy mô, cơ cấu hợp lý giữa các vùng miền. Đã đầu tư 29 trường mầm non, 30 trường tiểu học, 38 trường THCS, 29 trường THPT, 4 trung tâm bồi dưỡng chính trị và hoàn thiện cơ sở vật chất cho Trường Cao đẳng sư phạm Quảng Trị và Trường Cao đẳng y tế. Đầu tư hoàn thiện cho Trường THPT Cửa Việt và bước đầu cho Trường THPT Bùi Dục Tài. Đặc biệt, thực hiện Đề án xóa phòng học tạm, phòng học mượn giai đoạn 2019-2021, trong năm 2019 đã thực hiện đầu tư 106 phòng học (50 phòng học mầm non, 41 phòng học tiểu học và THCS, 15 phòng học THPT) với tổng mức đầu tư 76.889 triệu đồng, cơ bản xóa phòng học tạm, phòng học mượn, lớp ghép trên địa bàn toàn tỉnh.

Lĩnh vực y tế, dân số, xã hội: đã tập trung cải tạo, nâng cấp, sửa chữa và xây dựng mới các bệnh viện, trung tâm y tế tuyến huyện, các trung tâm y tế trực thuộc cấp tỉnh và hỗ trợ đầu tư cho y tế tuyến xã (05 trạm y tế). Đặc biệt, đã thực hiện đầu tư cơ bản hoàn thiện cho Bệnh viện đa khoa khu vực Triệu Hải và 02 phòng khám đa khoa khu vực là Phòng khám đa khoa Khu vực Bồ Bản và Phòng khám đa khoa Khu vực Tà Rụt. Từng bước hoàn thiện mạng lưới y tế, cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân, tạo điều kiện cho người dân được tiếp cận ngày càng nhiều hơn với các dịch vụ chăm sóc sức khỏe.

Lĩnh vực quản lý nhà nước: Trước thực trạng rất nhiều trụ sở cơ quan quản lý Nhà nước đã xuống cấp nghiêm trọng hoặc quá chật hẹp, không thể đáp ứng điều kiện làm việc cho cán bộ, tỉnh đã có nhiều cố gắng rất lớn trong việc cân đối nguồn lực do địa phương quản lý để giải quyết nhu cầu bức xúc và cấp thiết đó nhằm từng bước hoàn thiện và hiện đại hóa hệ thống công sở nhà nước trên địa bàn tỉnh. Đã đầu tư hoàn thành và đưa vào sử dụng nhiều công trình trụ sở cơ quan cấp tỉnh³ và hỗ trợ các địa phương⁴ hoàn thiện trụ sở các cơ quan nhà nước. Tỉnh đã chủ động bố trí lồng ghép đầu tư từ nhiều nguồn vốn khác nhau để thực hiện nhiệm vụ xây dựng trụ sở xã.

³ Cải tạo, sửa chữa Trụ sở làm việc Sở Lao động - Thương binh và xã hội tỉnh Quảng Trị; Sửa chữa trụ sở làm việc UBMTTQVN tỉnh; Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Sở Thông tin và Truyền thông; Sửa chữa trụ sở HĐND tỉnh

⁴ Trụ sở làm việc UBMTTQ huyện và các Hội đoàn thể huyện Vĩnh Linh; Trụ sở làm việc UBND xã Ba Nang; Trụ sở UBMTTQVN và các đoàn thể huyện Gio Linh; Trụ sở làm việc nhà B, cơ quan huyện ủy Hướng Hóa; Trụ sở xã Triệu Ái; Trụ sở làm việc UBMTTQ Việt nam và các đoàn thể huyện Triệu Phong; Trụ sở xã Mô Ó; Trụ sở huyện ủy huyện Cam Lộ

Lĩnh vực an ninh - quốc phòng: đã đầu tư xây dựng các công trình quốc phòng, khu vực phòng thủ và các căn cứ chiến đấu. Các dự án trọng điểm kinh tế kết hợp với quốc phòng được triển khai ở hầu hết các địa phương, trên tuyến biển, tuyến biên giới và một số khu vực trọng điểm như khu vực cửa khẩu Lao Bảo, La Lay, các tuyến đường tuần tra biên giới, vị trí đóng quân các đơn vị biên phòng; khu vực đảo Cồn Cỏ, cảng Cửa Việt, đường cơ động ven biển Hải An - Hải Khê, Hệ thống công sự trận địa, Sở chỉ huy trong diễn tập khu vực phòng thủ; Thao trường bắn tổng hợp; ... đã góp phần củng cố và tăng cường tiềm lực và xây dựng thế trận quốc phòng - an ninh vững chắc.

II. CƠ SỞ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH:

- Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14;
- Căn cứ Nghị quyết số 135/2020/QH14 ngày 17/11/2020 của Quốc hội và Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 8/7/2020 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Căn cứ Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 20/7/2019 của Thủ tướng Chính phủ về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025;
- Căn cứ Văn bản số 419/TTg-KTTH ngày 02/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ về dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025;
- Căn cứ Văn bản 5743/BKHĐT-TH ngày 14/8/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về lập kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm giai đoạn 2021 - 2025;
- Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII và Chương trình hành động số 07-CTHĐ-TU ngày 08/01/2021 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, định hướng đến năm 2030;
- Căn cứ tình hình thực tiễn và yêu cầu phát triển của tỉnh; khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 được cấp có thẩm quyền giao.

III. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, ĐỊNH HƯỚNG VÀ NGUYÊN TẮC PHÂN BỐ:

1. Quan điểm, mục tiêu và định hướng:

- Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 bám sát và hiện thực hóa các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp và định hướng phát triển kinh tế - xã hội tỉnh đã đề ra trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII với quyết tâm "*Phấn đấu đến năm 2025, Quảng Trị trở thành tỉnh có trình độ phát triển thuộc nhóm trung bình cao và năm 2030 thuộc nhóm tỉnh khá của cả nước*".
- Ưu tiên tập trung đầu tư cho các dự án quan trọng, có tác động liên vùng, tạo đột phá và động lực phát triển gắn với giải quyết hài hòa nhu cầu phát triển bức xúc của các ngành, lĩnh vực, địa phương.
- Nguồn vốn đầu tư công trung hạn giữ vai trò chủ đạo, có tính chất là vốn môi để thu hút hiệu quả các nguồn vốn của các thành phần kinh tế khác. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong đầu tư công; đẩy mạnh xã hội hóa để huy động

ngày càng nhiều hơn các nguồn vốn đầu tư ngoài nhà nước, đáp ứng nhu cầu phát triển của các ngành, lĩnh vực, nhất là lĩnh vực văn hóa, xã hội, thể dục thể thao, y tế, giáo dục và đào tạo.

- Lồng ghép các nguồn vốn do tinh quản lý để phát huy hiệu quả đầu tư, bảo đảm hoàn thành, sớm đưa các công trình, dự án vào khai thác, sử dụng.

- Tiếp tục tranh thủ sự hỗ trợ, giúp đỡ của Chính phủ và các Bộ, Ngành Trung ương; tích cực, chủ động tăng thu, tiết kiệm chi để bổ sung thêm nguồn vốn đầu tư phát triển cho tỉnh.

2. Nguyên tắc phân bổ:

2.1. Nguyên tắc chung:

- Tuân thủ các quy định của Luật Đầu tư công, Luật NSNN, Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản pháp luật có liên quan.

- Phù hợp với khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công của tỉnh.

- Bảo đảm bố trí vốn tập trung, khắc phục tình trạng phân tán, dàn trải; sử dụng hiệu quả vốn đầu tư; sát thực tiễn, đáp ứng yêu cầu phát triển.

- Bảo đảm quản lý nguồn lực đầu tư công tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; Đồng thời, thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo chủ động và phát huy trách nhiệm của các Sở, ngành, địa phương trong quản lý, điều hành và thực hiện các công trình, dự án đầu tư.

- Bảo đảm công khai, minh bạch trong việc phân bổ vốn đầu tư công, góp phần tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

2.2. Thứ tự ưu tiên trong bố trí vốn đầu tư công:

- Thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản theo quy định tại khoản 4 Điều 101 của Luật Đầu tư công (nếu có).

- Phân bổ đủ vốn để hoàn trả số vốn ứng trước kế hoạch thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn nhưng chưa bố trí đủ vốn để hoàn trả (bao gồm ứng trước ngân sách Trung ương và ngân sách địa phương).

- Phân bổ vốn cho các dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn (bao gồm các dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt quyết toán); các dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt; dự án dự kiến hoàn thành trong kỳ kế hoạch; vốn cho các dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài (bao gồm cả vốn đối ứng); vốn đối ứng các dự án PPP.

- Phân bổ vốn để thực hiện nhiệm vụ quy hoạch.

- Phân bổ vốn chuẩn bị đầu tư để lập, thẩm định, quyết định chủ trương

đầu tư và lập, thẩm định, quyết định đầu tư chương trình, dự án.

- Phân bổ vốn để thực hiện chính sách ưu đãi đầu tư; khuyến khích đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp - nông thôn; hỗ trợ phát triển hợp tác xã và kinh tế tập thể,...

- Phân bổ vốn cho dự án khởi công mới đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 5 Điều 51 của Luật Đầu tư công.

IV. DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025:

Căn cứ Văn bản số 419/TTg-KTTH ngày 02/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ về dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025; tổng kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 của tỉnh là **13.032,468 tỷ đồng**.

Căn cứ các quy định của pháp luật về Đầu tư công; các Nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, hướng dẫn của Trung ương về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII; các Nghị quyết của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh về định hướng phát triển của địa phương; Tình hình thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 (đối với các dự án chuyển tiếp) và nhu cầu thực tiễn của tỉnh trong giai đoạn 2021 - 2025. Tỉnh dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 của tỉnh là **15.432,468 tỷ đồng**, bằng 118% kế hoạch Trung ương thông báo dự kiến.

Nguồn vốn địa phương dự kiến tăng so với kế hoạch Trung ương thông báo dự kiến là từ nguồn thu sử dụng đất, tăng 43% so với mức vốn Trung ương thông báo dự kiến (tương đương 2.400 tỷ đồng). Cơ sở để tính toán phân tăng thêm của nguồn vốn từ thu tiền sử dụng đất như sau:

+ Đối với nguồn thu đấu giá QSD đất ở: Trong giai đoạn 2021 - 2025, tỉnh sẽ tiếp tục triển khai đầu tư một số khu đô thị như Khu đô thị Nam Đông Hà giai đoạn 3; Khu đô thị phía Đông đường Thành Cổ; Khu đô thị Bắc sông Hiếu; Khu đô thị Bắc sông Hiếu (giai đoạn 2); Khu đô thị Tân Vĩnh; Khu đô thị thương mại - dịch vụ Nam Đông Hà.

+ Đối với nguồn thu đấu giá QSD đất cho các tổ chức doanh nghiệp thuê: trên cơ sở danh mục các dự án đầu tư có sử dụng đất đã được phê duyệt, tỉnh dự kiến sẽ thu từ các dự án: Khu dân cư mới Phường 1, thành phố Đông Hà; Khu đô thị Thuận Châu, thành phố Đông Hà; Khu đô thị phía Đông thành phố Đông Hà (đường Lê Thế Tiết); Khu đô thị Bắc sông Hiếu (giai đoạn 2); Khu nhà ở đô thị kết hợp nhà ở xã hội, Khu công nghiệp Nam Đông Hà; Khu đô thị Nam sông Vĩnh Phước; Khu đô thị Hawee Park Land Đông Hà và Khu đô thị sinh thái Nam sông Hiếu tại phường Đông Lễ.

V. DỰ KIẾN DANH MỤC VÀ PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG TRONG NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021 - 2025:

Tình dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách Trung ương trong nước giai đoạn 2021 - 2025 là 5.568,168 tỷ đồng, bằng 100% kế hoạch Trung ương thông báo dự kiến; trong đó:

1. Thu hồi các khoản ứng trước ngân sách Trung ương: dự kiến thu hồi 21 dự án với số vốn 286,768 tỷ đồng, bằng đúng với số vốn Trung ương thông báo dự kiến (*chi tiết như biểu số 2 kèm theo*).

2. Các dự án trọng điểm, dự án có tính chất liên kết vùng, đường ven biển: dự kiến 01 dự án Đường ven biển kết nối hành lang kinh tế Đông Tây, tỉnh Quảng Trị - giai đoạn 1 với số vốn 1.500 tỷ đồng, bằng đúng với số vốn Trung ương thông báo dự kiến (*chi tiết như biểu số 3 kèm theo*).

3. Đầu tư theo ngành lĩnh vực: dự kiến 3.781,4 tỷ đồng, (*chi tiết như biểu số 4 kèm theo*); trong đó:

3.1. Đầu tư hoàn thành các dự án thực hiện giai đoạn 2016 - 2020 chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 - 2025: dự kiến hoàn thành 27 dự án với số vốn 766,357 tỷ đồng, cụ thể:

- Dự kiến 566,357 tỷ đồng (25 dự án) bằng với kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 đã được Trung ương giao nhưng còn thiếu (trong đó có 23 dự án hoàn thành và 02 dự án chưa hoàn thành theo tổng mức đầu tư).

- Dự kiến 200 tỷ đồng (04 dự án) để bố trí đủ tổng mức đầu tư: trong đó: (1) Có 02 dự án chưa bố trí đủ vốn theo kế hoạch 2016 - 2020 được giao và có nhu cầu hoàn thành theo tổng mức đầu tư với số vốn 125 tỷ đồng⁵; (2) Có 01 dự án đã bố trí đủ vốn theo kế hoạch 2016 - 2020 được giao và có nhu cầu bố trí đủ theo tổng mức đầu tư với số vốn 48 tỷ đồng⁶; (3) Có 01 dự án đã thực hiện trong giai đoạn 2016 - 2020 từ nguồn vốn NSĐP nhưng chưa được bố trí từ nguồn vốn NSTW (đã được Trung ương thẩm định vốn) nay đề nghị bố trí trong giai đoạn 2021 - 2025 để hoàn thành dự án với số vốn 27 tỷ đồng⁷.

3.2. Khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025: dự kiến 3.015,043 tỷ đồng thực hiện 48 dự án (trong đó có 01 dự án ODA đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư và 09 dự án ODA đang đề xuất), cụ thể:

- Dự kiến 2.444,517 tỷ đồng thực hiện hoàn thành 33 dự án trong giai đoạn 2021 - 2025;

- Dự kiến 570,526 tỷ đồng thực hiện 15 dự án hoàn thành sau giai đoạn 2021 - 2025 (trong đó có 03 dự án ODA). Số vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ

⁵ Đường liên xã Đakrông - Mô Ó - Triệu Nguyên - Ba Lòng, huyện Đakrông (40 tỷ đồng); Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư phục vụ Khu Kinh tế Đông Nam Quảng Trị (85 tỷ đồng)

⁶ Đường giao thông nối QL9 đến khu chế biến thủy sản Cửa Việt và các xã vùng Đông Gio Linh

⁷ Xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Quảng Trị

chuyển tiếp sang giai đoạn 2026 - 2030 dự kiến 295 tỷ đồng, bằng 9,8% tổng vốn NSTW hỗ trợ các dự án khởi công mới trong giai đoạn 2021 - 2025 (chưa kể các dự án ODA đang đề xuất do chưa dự kiến được tổng mức đầu tư⁸), đảm bảo phù hợp quy định tại Điều 89 Luật Đầu tư công.

VI. DỰ KIẾN DANH MỤC VÀ PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NƯỚC NGOÀI NGUỒN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025: (chi tiết như biểu số 5 kèm theo)

Tình dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn nước ngoài nguồn ngân sách Trung ương giai đoạn 2021 - 2025 là 1.923,8 tỷ đồng, bằng 100% kế hoạch Trung ương thông báo dự kiến; trong đó:

1. Dự kiến 1.681,44 tỷ đồng cho 10 dự án đang triển khai thực hiện theo đúng số vốn nước ngoài đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Số vốn nước ngoài còn lại 242,36 dự kiến cho 01 dự án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư⁹.

VII. DỰ KIẾN DANH MỤC VÀ PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021 - 2025:

* Trung ương thông báo dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 cho tỉnh là 5.540,5 tỷ đồng; trong đó: (1) Ngân sách địa phương cân đối theo tiêu chí: 2.232,9 tỷ đồng; (2) Nguồn thu sử dụng đất: 3.000 tỷ đồng; (3) Nguồn thu Xổ số kiến thiết: 200 tỷ đồng; (4) Bội chi ngân sách địa phương: 107,6 tỷ đồng.

* Tình dự kiến kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 là 7.940,5 tỷ đồng, bằng 143% kế hoạch Trung ương thông báo dự kiến; trong đó: (1) Ngân sách địa phương cân đối theo tiêu chí: 2.232,9 tỷ đồng, bằng 100% kế hoạch Trung ương thông báo dự kiến; (2) Nguồn thu sử dụng đất: 5.400 tỷ đồng, bằng 180% kế hoạch Trung ương thông báo dự kiến; (3) Nguồn thu Xổ số kiến thiết: 200 tỷ đồng, bằng 100% kế hoạch Trung ương thông báo dự kiến; (4) Bội chi ngân sách địa phương: 107,6 tỷ đồng, bằng 100% kế hoạch Trung ương thông báo dự kiến.

Như vậy, nguồn vốn địa phương dự kiến tăng so với kế hoạch Trung ương thông báo dự kiến là từ nguồn thu sử dụng đất, tăng 43% so với mức vốn Trung ương thông báo dự kiến (tương đương 2.400 tỷ đồng). Cơ sở để tính toán phần tăng thêm của nguồn vốn từ thu tiền sử dụng đất như sau:

+ Đối với nguồn thu đấu giá QSD đất ở (Trung tâm PTQĐ tỉnh thực hiện): Trong giai đoạn 2021 - 2025, tỉnh sẽ tiếp tục triển khai đầu tư một số khu đô thị như Khu đô thị Nam Đông Hà giai đoạn 3; Khu đô thị phía Đông đường

⁸ Hỗ trợ khẩn cấp các tỉnh miền Trung bị thiệt hại do thiên tai; Xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn khắc phục hậu quả thiên tai; Nâng cao an toàn đập và hiện đại hóa hệ thống thủy lợi

⁹ Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số - (CRIEM)

Thành Cổ; Khu đô thị Bắc sông Hiếu; Khu đô thị Bắc sông Hiếu (giai đoạn 2); Khu đô thị Tân Vĩnh; Khu đô thị thương mại - dịch vụ Nam Đông Hà; Khu đô thị sinh thái Nam Đông Hà.

+ Đối với nguồn thu đầu giá, đấu thầu các khu đất cho nhà đầu tư sử dụng: trên cơ sở danh mục các dự án đầu tư có sử dụng đất đã được phê duyệt, tỉnh dự kiến sẽ thu từ các dự án: Khu dân cư mới Phường 1, thành phố Đông Hà; Khu đô thị Thuận Châu, thành phố Đông Hà; Khu đô thị phía Đông thành phố Đông Hà (đường Lê Thế Tiết); Khu đô thị Bắc sông Hiếu (giai đoạn 2); Khu nhà ở đô thị kết hợp nhà ở xã hội, Khu công nghiệp Nam Đông Hà; Khu đô thị Nam sông Vĩnh Phước; Khu đô thị Hawee Park Land Đông Hà và Khu đô thị sinh thái Nam sông Hiếu tại phường Đông Lễ.

1. Nguồn vốn ngân sách địa phương cân đối theo tiêu chí:

Căn cứ Nghị quyết số 71/2020/NQ-HĐND ngày 10/11/2020 của HĐND tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương cân đối theo tiêu chí giai đoạn 2021 - 2025, tỉnh dự kiến phân bổ cụ thể như sau:

1.1. Đầu tư các lĩnh vực Quốc hội quy định (giáo dục - đào tạo): dự kiến 446,5 tỷ đồng, chiếm 20% tổng vốn; trong đó:

- Dự kiến cấp tỉnh quản lý là 267,9 tỷ đồng (chiếm 60%); cụ thể:

+ Thực hiện hoàn thành các dự án giai đoạn 2016 - 2020 chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 - 2025 với số vốn 53,286 tỷ đồng;

+ Khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025 với số vốn 214,614 tỷ đồng. Dự kiến bố trí cho các công trình trường THPT để đảm bảo đạt chuẩn theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020¹⁰, trong đó ưu tiên cho các huyện đăng ký về đích nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

- Dự kiến cấp huyện quản lý là 178,6 tỷ đồng (chiếm 40%): Căn cứ số điểm theo tiêu chí được quy định tại Nghị quyết số 71/2020/NQ-HĐND ngày 10/11/2020 của HĐND tỉnh để phân bổ cho các huyện. Riêng huyện đảo Cồn Cỏ không có nhu cầu nên mức vốn bố trí cho huyện đảo được phân bổ tăng thêm cho 2 địa phương có mức vốn phân bổ thấp là thành phố Đông Hà và thị xã Quảng Trị.

1.2. Đầu tư các lĩnh vực Quốc hội quy định (khoa học - công nghệ): dự kiến 44,65 tỷ đồng, chiếm 2% tổng vốn.

1.3. Đầu tư các khoản thuộc trách nhiệm chung của tỉnh (ngoài lĩnh vực GD - ĐT và KH-CN): dự kiến 536,48 tỷ đồng; trong đó:

- Nhiệm vụ quy hoạch: dự kiến 100 tỷ đồng;

- Ưu đãi đầu tư: dự kiến 10 tỷ đồng.

¹⁰ Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học

- Đối ứng cho các dự án ODA thuộc trách nhiệm địa phương dự kiến 426,48 tỷ đồng¹¹;

1.4. Số vốn còn lại 981,98 tỷ đồng đầu tư theo ngành, lĩnh vực, trong đó:

- Phân cấp tỉnh quản lý 589,188 tỷ đồng (60%), dự kiến:

+ Hoàn trả ứng trước ngân sách tỉnh: 4,86 tỷ đồng;

+ Chuẩn bị đầu tư: 20 tỷ đồng;

+ Quyết toán dự án hoàn thành: 88 tỷ đồng¹²;

+ Hoàn thành 15 dự án thực hiện giai đoạn 2016 - 2020 chuyển tiếp sang giai đoạn 2021 - 2025 với số vốn 75,58 tỷ đồng;

+ Khởi công mới giai đoạn 2021 - 2025 thực hiện 40 dự án với số vốn dự kiến 400,748 tỷ đồng.

- Phân cấp huyện, thành phố, thị xã quản lý 392,792 tỷ đồng (40%): phân bổ cho các huyện, thành phố, thị xã theo số điểm được quy định tại Nghị quyết số 71/2020/NQ-HĐND ngày 10/11/2020 của HĐND tỉnh quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương cân đối theo tiêu chí giai đoạn 2021 - 2025.

2. Nguồn vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất

2.1. Phần vốn do cấp tỉnh quản lý: 3.300 tỷ đồng; trong đó

2.1.1. Nguồn thu từ đấu giá quyền sử dụng đất ở (do Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh thực hiện): dự kiến 2.250 tỷ đồng; cụ thể

- Dự kiến dành 337,5 tỷ đồng (chiếm 15%) phục vụ cho công tác đo vẽ bản đồ địa chính và phát triển quỹ đất.

- Các công trình phát triển quỹ đất dự kiến 1.057,5 tỷ đồng (chiếm 47% tổng vốn), trong đó:

- Các công trình khác của tỉnh dự kiến 855 tỷ đồng (chiếm 38% tổng vốn); trong đó:

2.2.2. Nguồn thu đấu giá, đấu thầu các khu đất cho nhà đầu tư sử dụng: dự kiến 1.030 tỷ đồng.

- Dự kiến dành 154,5 tỷ đồng (chiếm 15%) phục vụ cho công tác đo vẽ bản đồ địa chính và phát triển quỹ đất;

- Số còn lại 875,5 tỷ đồng, bố trí cho các dự án tạo quỹ đất và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

¹¹ Trong đó: dự kiến 276,48 tỷ đồng hoàn thành các dự án đang thực hiện theo quyết định đầu tư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; dự kiến 150 tỷ đồng cho các dự án ODA mới và sẽ trình HĐND tỉnh giao danh mục khi đảm bảo đủ điều kiện giao vốn

¹² Trong đó dự án Cải tạo, nâng cấp, mở rộng tuyến đường cứu hộ, cứu nạn, kè chống xói lở, phòng chống lụt bão và phát triển kinh tế khu vực hai bên bờ sông Thạch Hãn đoạn từ thượng lưu cầu Thạch Hãn đến đập Trám 44 tỷ đồng.

2.2.3 Nguồn thu đầu giá quyền sử dụng đất ở Khu kinh tế TMĐB Lao Bảo: dự kiến 20 tỷ đồng.

- Dự kiến dành 3 tỷ đồng (chiếm 15%) phục vụ cho công tác đo vẽ bản đồ địa chính và phát triển quỹ đất;

- Số vốn còn lại 17 tỷ đồng dự kiến phân bổ thực hiện các dự án thuộc Khu kinh tế TMĐB Lao Bảo và Khu công nghiệp Quán Ngang.

2.2. Phần vốn do cấp huyện quản lý: 2.100 tỷ đồng giao các huyện, thành phố, thị xã chủ động phân bổ theo đúng quy định.

3. Nguồn vốn đầu tư từ nguồn xổ số kiến thiết

Căn cứ Thông tư số 71/2020/TT-BTC ngày 20/7/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2021 và kế hoạch tài chính ngân sách nhà nước giai 2021 - 2023 (trong đó quy định: nguồn vốn XSKT bố trí tối thiểu 60% cho lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề và lĩnh vực y tế; bố trí tối thiểu 10% cho các nhiệm vụ thuộc Chương trình MTQG xây dựng Nông thôn mới); Kế hoạch vốn XSKT 2021-2025 được phân bổ cụ thể như sau:

- Phân bổ cho lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề và lĩnh vực y tế là 140,5 tỷ đồng, chiếm 70,25%;

- Phân bổ cho Chương trình MTQG xây dựng NTM là 30 tỷ đồng, chiếm 15%. Theo mục tiêu Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ XVII phấn đấu trong giai 2021 - 2025 có thêm 3 huyện đạt tiêu chí NTM (không xác định cụ thể huyện), nhưng Nghị quyết Đại hội Đảng bộ các huyện (Vĩnh Linh, Gio Linh, Hải Lăng, Triệu Phong) đều đặt ra mục tiêu huyện đạt tiêu chí NTM. Do đó, nguồn vốn XSKT phân bổ cho 4 huyện với mức 7,5 tỷ đồng/huyện.

- Phần vốn XSKT còn lại là 29,5 tỷ đồng bố trí cho các công trình phúc lợi xã hội và công trình công cộng.

VIII. DỰ KIẾN CÁC KẾT QUẢ CHỦ YẾU ĐẠT ĐƯỢC CỦA PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ CHI TIẾT KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NSNN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025:

Bám sát Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII và Chương trình hành động số 07-CTHĐ-TU ngày 08/01/2021 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, định hướng đến năm 2030; UBND tỉnh quán triệt và thực hiện nghiêm túc Luật Đầu tư công và các quy định của pháp luật nhằm tăng cường quản lý và nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn vốn đầu tư từ NSNN. Chỉ đạo lồng ghép các nguồn vốn đầu tư; thực hiện đầu tư theo đúng quy hoạch; thực hiện cơ cấu đầu tư phù hợp với định hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh; tập trung vốn đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, nhất là các công trình giao thông kết nối liên vùng, các khu kinh tế, khu công nghiệp, khu đô thị; đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng, phát triển sản xuất kinh doanh, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Thông qua việc thực hiện Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025, dự kiến hệ thống kết cấu hạ tầng kinh

tế - xã hội của tỉnh sẽ được cải thiện đáng kể, tạo ra năng lực tăng thêm và tiền đề quan trọng cho phát triển các ngành, lĩnh vực và địa phương, cụ thể như sau:

1. Về quốc phòng: Đầu tư một số công trình quốc phòng trong khu vực phòng thủ và căn cứ chiến đấu của địa phương. Trong đó, ưu tiên tập trung: hoàn thiện một số tuyến đường biên giới đảm bảo cơ động thực hiện nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát, quản lý và bảo vệ tuyến biên giới đất liền; xây dựng Hải đội dân quân thường trực tỉnh vững mạnh, góp phần bảo vệ chủ quyền biên đảo và hoạt động trên các địa bàn trọng điểm về quốc phòng an ninh và ưu tiên khu vực vùng biển Tây Nam Việt Nam; bảo vệ khu vực đảo Côn Cỏ; một số dự án trọng điểm kinh tế kết hợp với quốc phòng trên tuyến biên giới đất liền tại khu vực cửa khẩu quốc tế Lao Bảo, La Lay,... góp phần củng cố, tăng cường tiềm lực và xây dựng thế trận quốc phòng - an ninh vững chắc trong tình hình mới.

2. Về an ninh và trật tự, an toàn xã hội: tăng cường cơ sở vật chất hạ tầng cho lực lượng công an phòng cháy, chữa cháy của tỉnh, đáp ứng nhu cầu chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ đảm bảo tính mạng và tài sản của nhân dân, của doanh nghiệp và của các cơ quan nhà nước, góp phần xây dựng lực lượng Cảnh sát PCCC và cứu nạn cứu hộ chính quy, tinh nhuệ, chuyên nghiệp và hiện đại, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Thông qua việc đầu tư hệ thống giám sát, điều hành thông minh, góp phần kiểm soát, quản lý chặt chẽ an toàn an ninh mạng, giám sát tình hình trật tự an toàn xã hội; bảo đảm an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

3. Về giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp: Tiếp nối kết quả đã đạt được trong giai đoạn 2016-2020, nhất là việc thực hiện Đề án xóa phòng học tạm, phòng học mượn, Đề án phát triển hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú; Đề án phát triển trường THPT chuyên Lê Quý Đôn;... Trong giai đoạn 2021 - 2025, sẽ tiếp tục dành tối thiểu 20% tổng vốn cân đối ngân sách địa phương theo tiêu chí cho lĩnh vực giáo dục - đào tạo để đầu tư thực hiện hoàn thành các Đề án trên; đầu tư nâng cấp, bổ sung cơ sở vật chất cho hệ thống các trường, từng bước đáp ứng nhu cầu cơ bản phục vụ dạy và học. Đồng thời, lồng ghép có hiệu quả nguồn lực đầu tư từ các chương trình, dự án và đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút nguồn vốn đầu tư xã hội cho lĩnh vực giáo dục - đào tạo, cải thiện điều kiện nhà ở công vụ cho giáo viên vùng đặc biệt khó khăn.

4. Về khoa học, công nghệ: Hệ thống thiết bị đo lường, thử nghiệm và thiết bị công nghệ sinh học được tăng cường, sẽ góp phần nâng cao năng lực quản lý nhà nước về kiểm tra chất lượng sản phẩm, hàng hóa, đặc biệt là hàng hóa xuất nhập khẩu, đảm bảo an toàn và chất lượng hàng hóa khi đưa vào lưu thông thị trường nội địa; nâng cao khả năng ứng dụng công nghệ sinh học trong nông nghiệp và nông thôn, tạo ra được bộ sản phẩm chủ lực, đặc sản, mang thương hiệu Quảng Trị; đóng góp vào tăng trưởng.

5. Y tế, dân số và gia đình: Từng bước hoàn thiện cơ sở vật chất ngành y tế, nâng cao hiệu quả công tác khám chữa bệnh của tuyến huyện, tuyến tỉnh; góp phần giảm tải cho các bệnh viện tuyến trên. Hoàn thiện thủ tục đối với các dự án đầu tư vào lĩnh vực y tế đã được cấp chủ trương đầu tư; thu hút, vận động để sớm đầu tư Bệnh viện đạt tiêu chuẩn quốc tế, đáp ứng nhu cầu khám, chữa ngày càng cao của người dân. Hoàn thành mục tiêu đạt chuẩn quốc gia về tiêu chí y tế xã, đảm bảo đạt 35 giường bệnh/vạn dân vào năm 2025.

6. Về văn hóa: Một số di tích lịch sử quốc gia và quốc gia đặc biệt như Khu lưu niệm Tổng Bí thư Lê Duẩn, Khu di tích quốc gia đặc biệt Thành cổ Quảng Trị, Khu di tích quốc gia đặc biệt Địa đạo Vịnh Mốc,... được đầu tư nâng cấp, tu bổ, tôn tạo, vừa giữ gìn di sản vừa góp phần thúc đẩy phát triển ngành du lịch của tỉnh. Hỗ trợ đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo một số trung tâm văn hóa cấp huyện nhằm từng bước hoàn thiện hệ thống các thiết chế văn hóa cơ sở của địa phương. Đẩy mạnh thu hút đầu tư và xã hội hóa để thu hút nguồn lực đầu tư ngoài nhà nước nhằm xây dựng, từng bước hoàn chỉnh hệ thống các thiết chế văn hóa thiết yếu phục vụ đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân.

7. Về phát thanh, truyền hình: Cơ sở vật chất đài phát thanh của 09 huyện, thành phố, thị xã trên địa bàn tỉnh được đầu tư góp phần nâng cao chất lượng hoạt động của mạng lưới truyền thanh, truyền hình cơ sở, rút ngắn về khoảng cách và thúc đẩy nhu cầu thụ hưởng thông tin, tuyên truyền giữa các vùng, khu vực, nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần của người dân và phục vụ tốt nhiệm vụ chính trị của địa phương. Thúc đẩy chuyển đổi công nghệ truyền thanh từ vô tuyến sang công nghệ áp dụng công nghệ thông tin theo Quyết định 135/QĐ-TTg ngày 20/01/2020 của Chính phủ. Cơ sở vật chất Đài phát thanh truyền hình tỉnh gồm nhà đặt máy phát thanh, truyền hình tại Trung tâm truyền hình kỹ thuật số và xây dựng trường quay chuyên nghiệp quy mô 250 chỗ và trường quay ngoài trời được đầu tư cơ bản hoàn thiện, đảm bảo an toàn phát sóng chương trình phát thanh, truyền hình.

8. Bảo vệ môi trường: Đầu tư 01 trạm điều hành trạm quan trắc tự động tại Khu kinh tế Đông Nam; 03 trạm quan trắc tự động môi trường không khí, 03 trạm quan trắc môi trường nước mặt trên các sông. Ngoài ra, nâng cao và hoàn thiện năng lực phân tích một số chỉ tiêu kim loại độc trong môi trường đất, trầm tích như, thuốc bảo vệ thực vật, các trang thiết bị, phần mềm nhằm phân tích đánh giá, dự báo sự lan truyền ô nhiễm môi trường.

9. Về các hoạt động kinh tế:

9.1. Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản:

Trong giai đoạn 2021 - 2025, tỉnh sẽ tập trung đầu tư hoàn thành một số đê biển và kè biển, đầu tư xây dựng hệ thống kè tại một số khu vực sông xung yếu với khoảng 10.000m kè bờ sông tại các huyện Gio Linh, Triệu Phong, thị xã Quảng Trị và Đakrông nhằm đảm bảo an toàn tính mạng, tài sản của nhân dân; bảo vệ nhà ở, công trình văn hóa cộng đồng, đường giao thông; phục vụ sản xuất, dân sinh, giao thông; chủ động phòng, chống, hạn chế tới mức thấp nhất

thiệt hại do thiên tai gây ra; chủ động ứng phó với thiên tai, biến đổi khí hậu; ổn định đời sống dân cư, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện môi trường khu vực dự án.

Từng bước hiện đại hóa cơ sở hạ tầng, phát triển các vùng nuôi thủy sản tập trung nhằm phát triển bền vững chuỗi giá trị nông nghiệp thông minh, nâng cao chuỗi giá trị cho ngành hàng nông nghiệp theo hướng hiện đại, đồng bộ, sản xuất hàng hóa với các sản phẩm đa dạng có chất lượng, mang lại giá trị gia tăng cao.

Tạo điều kiện thực hiện tốt hơn nữa nhiệm vụ trồng, bảo vệ và phát triển rừng; bảo vệ các khu rừng đầu nguồn xung yếu, rừng phòng hộ biên giới, rừng phòng hộ ven biển, bảo tồn và phát triển rừng đặc dụng. Duy trì độ che phủ rừng ổn định 50% theo mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII đã đề ra. Góp phần bảo đảm thực hiện hoàn thành chỉ tiêu hàng năm trồng mới 6.500 - 7.000 ha rừng tập trung các loại. Tạo vùng nguyên liệu rừng trồng tập trung, đảm bảo hằng năm cung cấp 850.000m³ đến 900.000 m³ gỗ nguyên liệu cho công nghiệp chế biến. Chuẩn bị các điều kiện cần thiết để đưa tỉnh Quảng Trị trở thành trung tâm cung cấp nguyên liệu, chế biến gỗ rừng trồng của khu vực miền Trung.

9.2. Về công nghiệp: Tiếp tục đầu tư hoàn thiện cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2014 - 2020. Triển khai dự án cấp điện đảo Cồn Cỏ, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt của quân và dân trên đảo, đặc biệt là phục vụ hoạt động du lịch. Thực hiện cấp điện từ nguồn năng lượng tái tạo tỉnh Quảng Trị và Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021 - 2025.

9.3. Về giao thông, đô thị: Đây là lĩnh vực được tỉnh đặc biệt quan tâm đầu tư để thực hiện 3 khâu đột phá chiến lược; tháo gỡ các điểm nghẽn trong quá trình phát triển; kết nối các vùng và các trung tâm kinh tế; khai thác các tiềm năng, lợi thế của tỉnh. Với hơn 100 km đường và 06 cầu được đầu tư, đưa vào hoạt động sẽ góp phần thu hút đầu tư, thúc đẩy sản xuất, kinh doanh phát triển, cải thiện và nâng cao đời sống của người dân, phục vụ tốt công tác cứu hộ, cứu nạn, phòng chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu. Đầu tư, nâng cấp khoảng 80km cơ sở hạ tầng giao thông tại các huyện miền núi phục vụ nhu cầu đi lại và giao thương hàng hóa; tạo điều kiện thuận lợi tiếp cận giao thông cho các huyện có tỷ lệ nghèo cao và có đông đồng bào dân tộc thiểu số; tăng tính kết nối những khu vực đất đai phì nhiêu nhưng xa xôi với những vùng phát triển kinh tế.

Các dự án giải phóng mặt bằng, tạo điều kiện thuận lợi để triển khai các dự án giao thông trọng điểm sử dụng nguồn vốn đầu tư ngoài nhà nước và hỗ trợ của Trung ương, nhất là Cảng hàng không Quảng Trị, mở rộng Cảng Cửa Việt, nâng cấp Quốc lộ 9 đoạn từ Quốc lộ 1A đến Cửa Việt,...

Nhiều khu đô thị mới được hoàn thành hoặc đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, vừa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đẩy nhanh quá trình đô thị hóa, tạo

điều kiện để tăng nguồn thu ngân sách từ đầu giá quyền sử dụng đất. Hạ tầng kỹ thuật đô thị thiết yếu được đầu tư nâng cấp, góp phần bảo đảm các tiện ích phục vụ hoạt động kinh tế - xã hội và đời sống của người dân, vừa góp phần xây dựng đô thị văn minh, hiện đại.

9.4. Các khu công nghiệp, khu kinh tế:

Tiếp tục đầu tư hoàn thiện kết cấu hạ tầng thiết yếu tại các khu công nghiệp phục vụ nhu cầu thu hút và triển khai các dự án đầu tư. Tập trung đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải cho 04 cụm công nghiệp nhằm bảo đảm xử lý tốt vấn đề môi trường trong thu hút và triển khai các dự án công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Đầu tư cơ bản hoàn thành các hạng mục thiết yếu thông qua việc thực hiện các dự án: Khu tái định cư xã Hải An và đường giao thông dọc khu kinh tế (giai đoạn 1), Khu tái định cư xã Hải An (giai đoạn 2), Khu tái định cư xã Hải Khê và đường vào khu tái định cư (giai đoạn 1), Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư phục vụ Khu Kinh tế Đông Nam Quảng Trị để giải phóng mặt bằng, phục vụ triển khai các dự án động lực tại Khu kinh tế Đông Nam Quảng Trị, đặc biệt là Nhà máy nhiệt điện Quảng Trị 1 và Cảng Mỹ Thủy.

Hạ tầng khu kinh tế cửa khẩu tiếp tục được đầu tư, trong đó hoàn thiện cơ sở hạ tầng bãi nhập, bãi xuất tại cửa khẩu quốc tế La Lay và Lao Bảo, đồng thời hoàn thiện, chỉnh trang khu vực cửa khẩu, trang bị các thiết bị hiện đại, đảm bảo đồng bộ, phát huy hiệu quả công trình nhằm phục vụ cho công tác quản lý và phát triển kinh tế của khu vực và vùng lân cận.

9.5. Về thương mại: đầu tư nâng cấp và hỗ trợ cho 05 chợ, trong đó 01 chợ đầu mối tại khu vực xã Tân Long, huyện Hướng Hóa và 04 chợ nông thôn tại huyện Cam Lộ, Đakrông và Hướng Hóa với 100 điểm kinh doanh, góp phần thúc đẩy hoạt động giao thông, buôn bán, trao đổi hàng hóa, giải quyết đầu ra cho các mặt hàng nông sản của tỉnh.

9.6. Cấp nước, thoát nước: Đầu tư xây dựng đồng bộ các hệ thống cấp nước sạch, cấp nước nông thôn để cung cấp nước sạch đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia, nâng cao sức khỏe, điều kiện sống cho người dân; góp phần nâng cao nhận thức và thay đổi hành vi của cộng đồng về bảo vệ môi trường, vệ sinh và vệ sinh cá nhân; giảm tác động xấu do điều kiện cấp nước và vệ sinh kém gây ra đối với sức khỏe của cư dân nông thôn và giảm thiểu tình trạng ô nhiễm môi trường trong cộng đồng; góp phần quan trọng để thực hiện mục tiêu đến năm 2025, tỷ lệ người dân sử dụng nước hợp vệ sinh ở nông thôn đạt 97,5%.

9.7. Kho tàng: Đầu tư xây dựng Kho lưu trữ chuyên dụng tỉnh theo Quyết định số 1784/QĐ-TTg ngày 24/9/2010, nhằm bảo vệ, bảo quản an toàn và phát huy giá trị của tài liệu lưu trữ và một số nhà xưởng, kho tàng cho các hợp tác xã theo Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ.

9.8. Du lịch: Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng khu du lịch Cửa Tùng và bãi tắm cộng đồng Vĩnh Thái; đường giao thông kết nối các điểm du lịch huyện Hướng Hóa; đường vào khu du lịch thác Ba Vòi; đẩy nhanh tiến độ thực hiện

Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng du lịch hỗ trợ cho tăng trưởng toàn diện khu vực tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng, giai đoạn 2 - tiểu dự án Quảng Trị,... tạo tiền đề và điều kiện cần thiết để thúc đẩy phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Trị. Góp phần hỗ trợ mạnh mẽ trong việc chuyển đổi các điểm du lịch của tỉnh trở thành những điểm đến du lịch quốc tế có khả năng cạnh tranh và phát triển đồng đều về kinh tế; bảo tồn phát huy các giá trị di sản, tạo sinh kế cho người dân.

9.9. Công nghệ thông tin: Ưu tiên đầu tư một số dự án nhằm hỗ trợ công tác giám sát đảm bảo an toàn an ninh thông tin và chia sẻ dữ liệu mã độc, an toàn thông tin mạng của tỉnh lên Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia; qua đó từng bước hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật nhằm thúc đẩy việc ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin xây dựng chính quyền điện tử, hướng đến chính quyền số và phát triển đô thị thông minh trên địa bàn tỉnh. Góp phần tạo nền tảng tiếp cận và nắm bắt cơ hội chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và hạ tầng kinh tế số.

10. Về hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội: Một số trụ sở cơ quan Đảng, chính quyền, đoàn thể được đầu tư xây dựng mới hoặc nâng cấp, sửa chữa nhằm khắc phục tình trạng xuống cấp, mất an toàn; vừa bảo đảm điều kiện làm việc, nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý, điều hành của bộ máy các cấp; từng bước đáp ứng yêu cầu hiện đại hóa hệ thống công sở nhà nước trên địa bàn tỉnh.

11. Về xã hội: Đầu tư xây dựng Trung tâm bảo trợ xã hội - phục hồi chức năng cho người khuyết tật nhằm đảm bảo điều kiện chăm lo cho các đối tượng chính sách xã hội; chăm sóc sức khỏe và phục hồi chức năng cho người khuyết tật; nhất là nạn nhân chất độc hóa học và người chịu ảnh hưởng nặng nề do di chứng chiến tranh để lại.

12. Về cải cách hành chính: Thông qua việc thực hiện Đề án Chính phủ điện tử và Trung tâm giám sát, điều hành thông minh, góp phần đẩy mạnh và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác cải cách hành chính, chủ động tiếp cận và tham gia vào cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

IX. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ:

1. Đối với nguồn vốn đối ứng ODA, hiện tại có 09 dự án ODA đăng ký nhu cầu bố trí vốn đối ứng để triển khai thực hiện trong giai đoạn 2021 - 2025, trong đó có 06 dự án đã trình báo cáo đề xuất và đăng ký mức vốn cụ thể từ NSTW (chưa rà soát để bảo đảm phù hợp với khả năng cân đối của nguồn vốn cũng như bảo đảm theo trần nợ vay) với tổng mức vốn đăng ký là 559,967 tỷ đồng và 03 dự án đã có chủ trương của UBND tỉnh nhưng đang trong quá trình chuẩn bị, chưa xác định được nhu cầu nguồn vốn. Việc bố trí vốn đối ứng với 09 dự án này phụ thuộc hoàn toàn vào tiến độ và quyết định của cơ quan có thẩm quyền nên chưa có cơ sở phân bổ chi tiết vốn cho các dự án. Vì vậy, UBND tỉnh đề nghị HĐND tỉnh thống nhất dành một khoản vốn đối ứng các dự án ODA chung (411,776 tỷ đồng), trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư

công trung hạn, nếu dự án nào đủ điều kiện giao vốn, UBND tỉnh sẽ trình HĐND tỉnh giao chi tiết vốn cho dự án đó để triển khai thực hiện.

2. Đối với nguồn thu từ đầu giá các khu đất của các trụ sở cũ khi thực hiện việc sắp xếp, bố trí lại một số trụ sở cơ quan cấp tỉnh, kính đề nghị HĐND tỉnh cho phép được đưa vào cân đối, bổ sung thêm cho nguồn vốn đầu tư công của tỉnh trong giai đoạn 2021 - 2025.

Trên đây là báo cáo dự kiến Kế hoạch đầu tư trung hạn vốn Ngân sách Trung ương hỗ trợ và vốn Ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025 của tỉnh Quảng Trị./.

Nơi nhận:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- TV. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban KTNS- HĐND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Tài chính;
- CVP, các PVP, CV;
- Lưu: VT, CN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Võ Văn Hưng

Biểu số 01
TỔNG HỢP DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN
VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021-2025

ĐVT: triệu đồng

TT	Nội dung	Bộ KHĐT thông báo dự kiến	Địa phương dự kiến kế hoạch 2021 -2025	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	7.491.968	7.491.968	
A	VỐN TRONG NƯỚC (Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	5.568.168	5.568.168	
1	Thu hồi các khoản vốn ứng trước	286.768	286.768	Chi tiết danh mục dự án tại biểu số 02
2	Các dự án trọng điểm	1.500.000	1.500.000	Chi tiết danh mục dự án tại biểu số 03
3	Đầu tư theo ngành, lĩnh vực		3.781.400	Chi tiết danh mục dự án tại biểu số 04
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	1.923.800	1.923.800	Chi tiết danh mục dự án tại biểu số 05

Biểu số 02

DANH MỤC DỰ ÁN THU HỒI VỐN ỨNG TRƯỚC VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG

Đơn vị: Đồng

TT	Danh mục dự án	Số văn bản/Quyết định cho phép ứng trước vốn	Số vốn ứng trước NSTW theo thực tế giải ngân đến hết kế hoạch 2020 chưa bố trí để thu hồi
	TỔNG SỐ		286.768.286.000
1	Quốc phòng		49.435.000.000
-	Kè chống xói lở bảo vệ đèo Cồn Cỏ kết hợp phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng an ninh	1808/QĐ-TTg 3/10/2014	39.438.000.000
-	Rà phá bom mìn tỉnh Quảng Trị	1897/QĐ-TTg 15/10/10	9.997.000.000
2	Văn hóa, thông tin		38.079.000.000
-	Quảng trường nhà văn hóa trung tâm tỉnh	6390/VPCP-ĐP ngày 15/9/2009	38.079.000.000
3	Các hoạt động kinh tế		199.254.286.000
3.1	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản		109.940.619.000
-	Dự án đầu tư xây dựng khu tái định cư, di dân khẩn cấp ổn định định canh định cư ra khỏi vùng lũ ống, lũ quét và sạt lở xã Tà Rụt, huyện Đakrông	2110/TTg-KTN - 27/10/2014	8.000.000.000
-	Cảng cá và Khu dịch vụ hậu cần nghề cá Cồn Cỏ (giai đoạn 2)	1702/QĐ-TTg 09/11/2012	50.000.000.000
-	Kè chống sạt lở bờ sông Thạch Hãn khu vực thôn Trung Yên, xã Triệu Độ, huyện Triệu Phong	1801/QĐ-TTg ngày 10/10/2014	4.989.488.000
-	Nâng cấp hồ Trọt Đâu - Trọt Đen thuộc công trình Sửa chữa, nâng cấp hồ Trọt Đâu - Trọt Đen, xã Cam Tuyền	6804/BKHĐT- KTNN 11/9/2013	7.000.000.000
-	Nâng cấp hồ khe Bàu Ra - Đá Lã thuộc công trình Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Khe Bàu Ra - Đá Lã - Hiếu Nam	6804/BKHĐT- KTNN 11/9/2013	13.967.938.000
-	Sửa chữa, nâng cấp hồ Miếu Bà thuộc công trình Sửa chữa, nâng cấp hồ Miếu Bà, hồ Tân Sơn, xã Hải Sơn, huyện Lăng	6804/BKHĐT- KTNN 11/9/2013	12.983.193.000

TT	Danh mục dự án	Số văn bản/Quyết định cho phép ứng trước vốn	Số vốn ứng trước NSTW theo thực tế giải ngân đến hết kế hoạch 2020 chưa bố trí để thu hồi
-	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Trầm - Lai Bình thuộc công trình Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Trầm - Lai Bình và Đập Hà, huyện Vĩnh Linh	6804/BKHĐT-KTNN 11/9/2013	13.000.000.000
3.2	Giao thông		89.313.667.000
-	Đường vào xã Triệu Thuận	939/QĐ-TTg 01/7/09	3.643.570.000
-	Đường tránh nhà thờ La Vang	1987/QĐ-TTg 15/10/2010	3.000.000.000
-	Cầu Cam Hiếu	1861/QĐ-TTg - 10/10/2014	25.000.000.000
-	Đường tránh lũ, cứu nạn, cứu hộ và phục vụ dân sinh xã Hải Vĩnh	1962/QĐ-TTg ngày 25/10/2010	2.000.000.000
-	Đường vành đai cứu hộ, cứu nạn phía Tây TP Đông Hà (GD 1)	1962/QĐ-TTg ngày 25/10/2010	21.000.000.000
-	Đường tránh lũ, cứu nạn, cứu hộ và phục vụ dân sinh xã Vĩnh Chấp	1962/QĐ-TTg ngày 25/10/2010	1.907.236.000
-	Đường tránh lũ, cứu nạn, cứu hộ và phục vụ dân sinh xã Vĩnh Lâm, Vĩnh Long	1962/QĐ-TTg ngày 25/10/2010	1.931.901.000
-	Đường tránh lũ, cứu nạn, cứu hộ và phục vụ dân sinh xã Vĩnh Trường	1962/QĐ-TTg ngày 25/10/2010	1.700.000.000
-	Đường tránh lũ, cứu nạn, cứu hộ và phục vụ dân sinh xã Triệu Hòa, Triệu An	1962/QĐ-TTg ngày 25/10/2010	1.130.960.000
-	Đường tránh lũ, cứu nạn, cứu hộ và phục vụ dân sinh xã Cam Thủy	1962/QĐ-TTg ngày 25/10/2010	6.000.000.000
-	Cải tạo, nâng cấp, mở rộng tuyến đường cứu hộ, cứu nạn, kè chống xói lở, phòng chống lụt bão và phát triển KTXH khu vực 2 bên bờ sông Thạch Hãn (phần đường cứu hộ, cứu nạn)	1962/QĐ-TTg ngày 25/10/2010	22.000.000.000

**DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021-2025
CHO CÁC DỰ ÁN TRUNG ĐIỂM, DỰ ÁN CÓ TÍNH CHẤT LIÊN KẾT VÙNG, ĐƯỜNG VEN BIỂN**

Biểu số 03

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên dự án	Địa điểm	Thời gian KC-HT	Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư		Dự kiến kế hoạch giai đoạn 2021-2025		Ghi chú
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	
	TỔNG SỐ				2.060.000	1.500.000	2.060.000	1.500.000	
1	Các dự án trọng điểm, dự án có tính chất liên kết vùng, đường ven biển				2.060.000	1.500.000	2.060.000	1.500.000	
	<i>Dự án khởi công mới</i>								
-	Đường ven biển kết nối hành lang kinh tế Đông Tây, tỉnh Quảng Trị - Giai đoạn I	DH, TP, GL, VL	21-25	105/NQ-HĐND 9/12/2020	2.060.000	1.500.000	2.060.000	1.500.000	

Biểu số 04
DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021-2025
VỐN TRONG NƯỚC ĐẦU TƯ THEO NGÀNH LĨNH VỰC

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Dự kiến kế hoạch giai đoạn 2021- 2025	Ghi chú
				TMĐT		Dự kiến kế hoạch giai đoạn 2021- 2025	Ghi chú		
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số				
1	Quốc phòng				9.902.957	4.802.036	3.781.400		
	TỔNG CỘNG				370.099	354.527	267.228		
	Dự án chuyển tiếp giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021-2025								
-	Rà phá bom mìn vật nổ phục vụ tái định cư huyện Triệu Phong và huyện Hải Lăng	HL, TP	17-21	2258/QĐ-UBND 18/8/2017	49.847	34.275	2.448	Hoàn thành	
-	Kè chống xói lở đèo Cồn Cỏ	Cồn Cỏ	18-22	310/QĐ-UBND 23/10/2018	119.274	119.274	63.802	Hoàn thành	
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 -2025								
-	Dường GTBG nối các trạm kiểm soát Biên phòng Xã Heng, A Doi, Pa Roi, Xy, huyện Hương Hóa	Hương Hóa	21-24	89/NQ-HĐND ngày 9/12/2020	90.000	90.000	90.000	Hoàn thành giai đoạn 21-25	
-	Doanh trại hải đội dân quân thường trực và bến cấp tàu của hải đội	Gio Linh	21-24	98/NQ-HĐND ngày 9/12/2020	110.978	110.978	110.978	Hoàn thành giai đoạn 21-25	
2	An ninh và trật tự, an toàn xã hội				46.500	46.500	46.500		
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 -2025								
-	Xây dựng doanh trại Đội cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ các địa phương	VL, GI, ĐK, TP	21-24	07/NQ-HĐND ngày 10/3/2021	46.500	46.500	46.500	Hoàn thành giai đoạn 21-25	
3	Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp				130.000	130.000	130.000		
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 -2025								
-	Xóa phòng học tạm, phòng học mượn và cải tạo nâng cấp các trường dân tộc nội trú, bán trú trên địa bàn tỉnh	T toàn tỉnh	21-24	102/NQ-HĐND ngày 9/12/2020	85.000	85.000	85.000	Hoàn thành giai đoạn 21-25	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Dự kiến kế hoạch giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
				TMĐT		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Dự kiến kế hoạch giai đoạn 2021-2025		
				Tổng số	Trong đó: NSTW				
-	Trường THPT huyện Hương Hóa	Hương Hóa	22-25						Hoàn thành giai đoạn 21-25 5375/UBND-CN ngày 24/11/2020
5	Y tế, dân số và gia đình Dự án chuyển tiếp giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021-2025								
-	Nâng cấp cơ sở vật chất ngành y tế	Toàn tỉnh	16-21	1194/QĐ-UBND ngày 31/5/2018	73.707	14.406	11.763		Hoàn thành
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 -2025								
-	Đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm trang thiết bị y tế tuyến tỉnh - Hàng mục: Trung tâm tâm thần kinh và hệ thống thiết bị xạ trị	Đông Hà	21-24	90/NQ-HĐND ngày 9/12/2020	150.000	150.000	150.000		Hoàn thành giai đoạn 21-25
6	Văn hóa, thông tin Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 -2025								
-	Bảo tồn, tôn tạo di tích Khu lưu niệm TBT Lê Duẩn (Gđ2)	Triệu Phong	21-24	91/NQ-HĐND ngày 9/12/2020	45.000	45.000	45.000		Hoàn thành giai đoạn 21-25
-	Nhà văn hóa huyện Vĩnh Linh	Vĩnh Linh	21-24	4606/QĐ-UBND 28/12/2020 của huyện VL	71.000	30.000	30.000		Hỗ trợ huyện
-	Bảo tồn, phát huy giá trị di sản địa đạo Vĩnh Mốc (gđ2)	Vĩnh Linh	25-28		45.000	45.000	11.250		DK thực hiện từ năm 2025
-	Tôn tạo, nâng cấp Khu di tích quốc gia đặc biệt Thành Cổ Quảng Trị	Quảng Trị	22-25		90.000	30.000	30.000		+ Nguồn xã hội hóa
7	Phát thanh, truyền hình, thông tấn Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 -2025								
-	Xây dựng trường quay chuyên nghiệp quy mô 250 chỗ và trường quay ngoài trời của Đài Phát thanh và Truyền hình Quảng Trị	Đông Hà	23-26		45.000	45.000	33.750		DK thực hiện từ năm 2023
9	Bảo vệ môi trường Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 -2025								
					45.000	45.000	22.500		

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư				Dự kiến kế hoạch giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành		TMĐT			
				Tổng số	Trong đó: NSTW				
-	Đầu tư xây dựng mới các trạm quan trắc môi trường tự động, cố định trên địa bàn tỉnh Quảng Trị	Toàn tỉnh	24-27			45.000	45.000	22.500	DK thực hiện từ năm 2024
10	Các hoạt động kinh tế					8.332.651	3.696.603	2.421.633	
10.1	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản					662.534	585.697	317.635	
	Dự án chuyển tiếp giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021-2025								
-	Dường làm nghiệp phục vụ sản xuất vùng nguyên liệu tập trung, phát triển trồng rừng thâm canh cây gỗ lớn và PCCR giai đoạn 2016-2020 tỉnh Quảng Trị	HH, VL, GL, TP, HL, DK	16-20	2097/QĐ-UBND 1/9/2016		60.000	30.000	2.000	Hoàn thành
-	Dự án phát triển cơ sở hạ tầng các vùng nuôi thủy sản tập trung tỉnh Quảng Trị	TP, GL, HL, CL, DH, HH	16-20	2111/QĐ-UBND 5/9/2016		117.420	90.000	20.000	Hoàn thành
-	Nâng cấp, củng cố, sửa chữa hệ thống đê biển tỉnh Quảng Trị		16-20	639/QĐ-UBND ngày 31/3/2016		80.000	80.000	10.635	Hoàn thành
-	Xây dựng cơ sở hạ tầng các xã có tỷ lệ hộ nghèo cao vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Trị	Hướng Hóa	19-22	1901/QĐ-UBND 12/8/2016		80.114	60.697	35.000	Hoàn thành
-	Khắc phục sạt lở đê biển Vĩnh Thái	VL, QT	20-22	217/QĐ-UBND ngày 10/8/2020; 2763/QĐ-UBND ngày 28/9/2020		50.000	50.000	25.000	Hoàn thành
-	Sửa chữa khẩn cấp kè biển Vĩnh Mốc, Vĩnh Thạch, Vĩnh Linh	VL, QT	20-22	2215/QĐ-UBND ngày 10/8/2020; 2554/QĐ-UBND ngày 01/9/2020		30.000	30.000	20.000	Hoàn thành

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Dự kiến kế hoạch giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số TMDT	Trong đó: NSTW		
-	Sửa chữa khẩn cấp kè biển Cửa Việt	GL, QT	20-22	2216/QĐ-UBND ngày 10/8/2020; 2836/QĐ-UBND ngày 01/10/2020	30.000	30.000	20.000	Hoàn thành
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 -2025							
-	Dự án trồng, bảo vệ và phát triển rừng	Toàn tỉnh	22-25		60.000	60.000	60.000	Hoàn thành giai đoạn 21-25
-	Kè chống xói lở khẩn cấp đê hữu sông Bến Hải, huyện Gio Linh; bờ sông Thạch Hãn đoạn tiếp giáp đường DH40a, xã Triệu Đô, huyện Triệu Phong; bờ sông Đakrông đoạn qua xã A Ngo, huyện Đakrông; bờ sông Hiếu các đoạn qua các xã Cam Thủy, Cam Hiếu, Cam Tuyền, huyện Cam Lộ; bờ sông Vĩnh Định (đoạn hạ lưu tràn An Tiêm đến cầu Ba Bến), phường 2, thị xã Quảng Trị	TP, CL, TP, QT, GL	22-25		95.000	95.000	95.000	Hoàn thành giai đoạn 21-25
-	CSSH phục vụ bảo tồn và phát triển bền vững các khu bảo tồn thiên nhiên Đakrông và Bắc Hương Hóa tỉnh Quảng Trị	ĐK, HH	24-27		60.000	60.000	30.000	ĐK thực hiện từ năm 2024
10.3	Giao thông				6.320.036	1.951.850	1.434.533	
	Dự án chuyển tiếp giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021-2025							
-	Đường nối trung tâm xã Vĩnh Long với các xã miền Tây và miền Đông huyện Vĩnh Linh đến Quốc lộ 1	Vĩnh Linh	18-21	2259/QĐ-UBND 18/8/2017	81.281	45.000	7.572	Hoàn thành
-	Đường Ngô Quyền, Cầu quy Thiện và đoạn còn lại Đường Xuân - Quy - Vĩnh	Hải Lăng	17-21	1902/QĐ-UBND 12/8/2016	82.779	81.000	9.735	Hoàn thành
-	Đường nối đầu cầu An Mộ vào Khu lưu niệm Tổng Bí thư Lê Duẩn	Triệu Phong	17-21	2498/QĐ-UBND ngày 13/9/2017	74.000	66.600	11.600	Hoàn thành
-	Đường từ thị trấn Gio Linh đến các xã phía Nam huyện Gio Linh	Gio Linh	18-21	1905/QĐ-UBND 12/8/2016	80.761	60.000	24.762	Hoàn thành

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian K-C-HT	Quyết định đầu tư				Dự kiến kế hoạch giai đoạn 2021- 2025	Ghi chú
				TMĐT		Tổng số	Trong đó: NSTW		
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành					
-	Đường liên xã Dakrông - Mò Ó - Triệu Nguyễn - Ba Lòng, huyện Dakrông	Dakrông	27-22	1934/QĐ-UBND 15/8/2016	135.000	135.000	65.880	Hoàn thành	
-	Đường nối từ cầu Thạch Hãn đến trung tâm phường An Đôn, thị xã Quảng Trị	Triệu Phong, Quảng Trị	18-22	2514/QĐ-UBND 30/10/2018	80.000	30.000	10.000	Hoàn thành	
-	Đường biên giới Khe Sanh -Sa Trầm	Hương Hóa	20-21	2219/QĐ-UBND ngày 11/8/2020	23.000	20.000	11.000	Hoàn thành	
-	Dự án Phát triển các đô thị dọc hành lang tiêu vùng sông Mê Kông	DH, HH	13-21	2830/QĐ-UBND ngày 04/11/2016; 1073/QĐ-UBND ngày 13/5/2019	2.446.067	219.766	39.500	Hoàn thành	
-	Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Quảng Trị	TP, HL, GL, VL, CL, DK, HH	18-23	1134/QĐ-UBND ngày 25/5/2018	998.152	136.075	136.075	Hoàn thành	
	Đường giao thông nối QL9 đến khu chế biến thủy sản Cửa Việt và các xã vùng Đông Gio Linh, huyện Gio Linh	Gio Linh	20-22	1906/QĐ-UBND 12/8/2016 933/QĐ- UBND ngày 08/4/2020	80.373	58.000	48.000	Hoàn thành	
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 -2025								
-	Đường Trần Nguyễn Hãn (giai đoạn 2)	Đông Hà	21-24	93/NQ-HĐND ngày 9/12/2020	201.210	110.000	110.000	+ Vốn NS TP cân đối	
-	Hạ tầng kỹ thuật phục vụ giải phóng mặt bằng để mở rộng cảng Cửa Việt, tỉnh Quảng Trị	Gio Linh	21-24	104/NQ-HĐND ngày 9/12/2020	80.150	80.150	80.150	Hoàn thành giai đoạn 21-25	
-	Đường Võ Văn Kiệt (nối tuyến tránh quốc lộ 1A với di tích quốc gia đặc biệt Thành Cổ)	Quảng Trị	22-25		80.000	60.000	60.000	+ Vốn NS huyện cân đối	
-	Đường kết nối trung tâm huyện Vĩnh Linh đến các xã ven biển	Vĩnh Linh	22-25		80.000	60.000	60.000	+ Vốn NS huyện cân đối	
-	Đường giao thông kết nối thị trấn Ái Tử với các xã phía Tây huyện Triệu Phong	Triệu Phong	22-25		80.000	60.000	60.000	+ Vốn NS huyện cân đối	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Dự kiến kế hoạch giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số TMDT	Trong đó: NSTW		
-	Đường giao thông kết nối dân sinh, dân dân, phát triển sản xuất phía Bắc huyện Cam Lộ	Cam Lộ	22-25		80.000	60.000	60.000	+ Vốn NS huyện cân đối
-	Cầu Cầu Nhi - Hải Tân và đường hai đầu cầu, huyện Hải Lăng	Hải Lăng	22-25		80.000	50.000	50.000	+ Vốn NS huyện cân đối
-	Nâng cấp đường 73 Đông (cũ), huyện Gio Linh	Gio Linh	22-25		80.000	60.000	60.000	+ Vốn NS huyện cân đối
-	Nâng cấp, mở rộng đường Thương Xá - Trà Lộc (DH,50) và đường Thuận Đức - Lam Thủy - Phương Lang (DH,50a)	Hải Lăng	24-27		80.000	60.000	30.000	+ Vốn NS huyện cân đối DK thực hiện từ năm 2024
-	Đường nối đường Hồ Chí Minh nhánh Đông với đường Hồ Chí Minh nhánh Tây, tỉnh Quảng Trị	Vĩnh Linh	22-25	11/NQ-HĐND ngày 21/3/2021	229.156	129.156	129.156	+ Vốn NSTW hỗ trợ
-	Giải phóng mặt bằng để xây dựng dự án Cảng hàng không Quảng Trị	Gio Linh	22-25	09/NQ-HĐND ngày 10/3/2021	233.103	193.103	193.103	+ Vốn NS tỉnh cân đối
-	Dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số - (CRIEM), tỉnh Quảng Trị	ĐK, HH	22-25	218/QĐ-TTg ngày 19/02/2021	935.004	178.000	178.000	Đổi ứng dự án ODA
10.4	Khu công nghiệp và khu kinh tế				949.427	847.472	434.303	
	Dự án chuyển tiếp giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021-2025							
-	San nền và hạ tầng kỹ thuật thiết yếu tại khu vực trung tâm cửa khẩu quốc tế La Lay	Dakrông	16-21	630/QĐ-UBND ngày 31/3/2017	102.866	79.072	5.574	Hoàn thành
-	Khu tái định cư xã Hải An và đường giao thông dọc khu kinh tế (giai đoạn 1)	Hải Lăng	18-21	2943/QĐ-UBND 30/10/2017	71.990	64.400	8.626	Hoàn thành
-	Khu tái định cư xã Hải Khê và đường vào khu tái định cư (giai đoạn 1)	Hải Lăng	17-21	2942/QĐ-UBND 30/10/2017	298.671	269.000	46.326	Hoàn thành
-	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư phục vụ Khu Kinh tế Đông Nam Quảng Trị	Hải Lăng	20-23	3006/QĐ-UBND ngày 20/10/2020	110.000	110.000	98.777	Hoàn thành
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 -2025							

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Dự kiến kế hoạch giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
				TMDT		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành		
				Tổng số	Trong đó: NSTW			
-	Khu tái định cư xã Hải An (giai đoạn 2)	Hải Lăng	23-26	180.000	150.000	100.000	+ vốn đầu giá đất 30 tỷ DK thực hiện từ năm 2023	
-	Hạ tầng kỹ thuật bãi chõ xuất và bãi trung chuyển tại cửa khẩu quốc tế Lao Bảo	Hương Hóa	22-25	91.900	90.000	90.000	+ Vốn đầu giá QSD đất	
-	San nền và hạ tầng kỹ thuật thiết yếu tại khu vực trung tâm Cửa khẩu quốc tế La Lay (giai đoạn 2)	Hương Hóa	21-25	94.000	85.000	85.000	+ Vốn đầu giá QSD đất	
10.6	Cấp nước, thoát nước			60.000	33.000	33.000		
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025							
-	Hệ thống cấp nước sinh hoạt tập trung vùng nông thôn, tỉnh Quảng Trị	HH, DK, CL	22-25	60.000	33.000	33.000	+ Vốn đầu giá QSD đất	
10.7	Kho tàng			45.775	38.630	38.630		
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025							
-	Kho lưu trữ chuyên dụng tỉnh Quảng Trị (giai đoạn 1)	Đông Hà	21-24	92/NQ-HBND ngày 9/12/2020	45.775	38.630	38.630	+ Vốn đầu giá trị sở cũ
10.8	Du lịch			170.500	150.154	85.582		
	Dự án chuyển tiếp giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021-2025							
-	Cơ sở hạ tầng Khu Dịch vụ - Du lịch bãi tắm cộng đồng Gio Hải	Gio Linh	16-21	615a/QĐ-UBND 30/3/2016	45.500	45.154	3.082	Hoàn thành
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025							
-	Cơ sở hạ tầng Khu du lịch Cửa Tùng và bãi tắm cộng đồng Vĩnh Thái	Vĩnh Linh	24-27		45.000	45.000	22.500	DK thực hiện từ năm 2024
-	Đường kết nối các điểm du lịch huyện Hướng Hóa	Hướng Hóa	22-25		80.000	60.000	60.000	+ Vốn NS huyện cân đối
10.10	Công nghệ thông tin			92.000	72.000	60.750		
	Dự án chuyển tiếp giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021-2025							
-	Xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Quảng Trị	Toàn tỉnh	21-22	383/HĐND-KTNS 9/9/2016	47.000	27.000	27.000	GD 16-20 đã bố trí từ NSDP

TT	Tên mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Dự kiến kế hoạch giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số TMDT	Trong đó: NSTW		
-	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 -2025							
-	Xây dựng trung tâm giám sát điều hành thông minh	Toàn tỉnh	23-26		45.000	45.000	33.750	DK thực hiện từ năm 2023
10.13	Hỗ trợ doanh nghiệp				32.379	17.800	17.200	
	Dự án chuyển tiếp giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021-2025							
-	Xây dựng trang trại Sơn Tây	Vĩnh Linh	20-21	405/QĐ-UBND ngày 3/3/2016	17.379	2.800	2.200	Hoàn thành
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 -2025							
-	Dự án khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn	Toàn tỉnh	21-25		15.000	15.000	15.000	Hỗ trợ khi các dự án đủ điều kiện
11	Quản lý nhà nước				459.000	170.000	170.000	
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021 -2025							
-	Trụ sở Tỉnh ủy	Đông Hà	22-25		200.000	100.000	100.000	+ vốn đầu giá đất 100 tỷ
-	Xây dựng trung tâm hành chính thành phố Đông Hà	Đông Hà	22-25		130.000	40.000	40.000	+ Vốn NS Tp cân đối
-	Trung tâm hành chính huyện Hải Lăng	Hải Lăng	22-25		129.000	30.000	30.000	+ Vốn NS huyện cân đối
13	Ngành, lĩnh vực khác						411.776	
	Đổi ứng các dự án ODA dự kiến khởi công mới giai đoạn 2021-2025						411.776	
-	Phát triển bền vững chuỗi giá trị nông nghiệp (vay vốn WB)	VL, GL, CL, HH	23-26		808.866	121.406		1097/UBND-NN ngày 30/3/2021 báo cáo Bộ, ngành thẩm định trình TTgCP phê duyệt đề xuất dự án

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Dự kiến kế hoạch giai đoạn 2021- 2025	Ghi chú
				TMĐT		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành		
				Tổng số	Trong đó: NSTW			
-	Cấp điện Đảo Cỏ, tỉnh Quảng Trị	Cỏ Cỏ	21-24	627.000	80.000		4321/UBND-CN ngày 24/9/2020 báo cáo Trung ương bổ sung vào KH 21-25	
-	Phát triển đô thị ven biển miền Trung hướng tới tăng trưởng xanh và ứng phó biến đổi Khí hậu, tiêu dự án Đông Hà	Đông Hà	22-25	1.157.807	135.000		1056/UBND-CN ngày 26/3/2021 báo cáo Bộ, ngành thẩm định trình TTgCP phê duyệt đề xuất dự án	
-	Dự án Nước sạch và vệ sinh nông thôn bền vững và ứng phó với BĐKH (vay vốn WB)	HL, TP, GL, VL	22-25	432.997	40.000		871/UBND-NN ngày 10/3/2021 báo cáo Bộ, ngành thẩm định trình TTgCP phê duyệt đề xuất dự án	
-	Hỗ trợ đầu tư để kết nối, thúc đẩy phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Trị	HH, ĐK, GL, VL, CC	23-26	946.102	110.000		Nhà tài trợ đã có thư phân hỏi về khả năng vay và đơn vị đầu mối đang hoàn thiện đề xuất dự án	
-	Xây dựng mô hình Trung tâm bảo trợ xã hội – phục hồi chức năng cho người khuyết tật tại Việt Nam	Gio Linh	22-25	325.128	10.000		Nhà tài trợ đã tiến hành khảo sát và đang xem xét tài trợ	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Dự kiến kế hoạch giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
				Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMDT Tổng số	Trong đó: NSTW		
	Hỗ trợ khẩn cấp các tỉnh miền Trung bị thiệt hại do thiên tai	Toàn tỉnh	22-25					971/UBND-NN ngày 22/3/2021 giao lập đề xuất CTĐT dự án
	Xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn khác phục hậu quả thiên tai tỉnh Quảng Trị	Toàn tỉnh	22-25					Đang xây dựng đề xuất dự án
	Nâng cao an toàn đập và hiện đại hóa hệ thống thủy lợi	Toàn tỉnh	22-25					971/UBND-NN ngày 22/3/2021 giao lập đề xuất CTĐT dự án

Biểu số 05

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN NƯỚC NGOÀI) GIAI ĐOẠN 2021-2025

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện	Số quyết định	Quyết định đầu tư				Dự kiến vốn nước ngoài kế hoạch 2021-2025	Ghi chú
					TMĐT		Dự kiến vốn nước ngoài			
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài			
TỔNG SỐ					5.852.705	1.143.538	4.709.167	1.923.800		
DỰ ÁN ĐANG THỰC HIỆN					4.931.007	918.138	4.012.869	1.681.440		
1	Nâng cấp cơ sở vật chất ngành y tế tỉnh Quảng Trị	Toàn tỉnh	2016-2021	707/QĐ-TTg ngày 29/5/2020	73.707	16.007	57.700	43.655		
2	Dự án Đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở tỉnh Quảng Trị	Toàn tỉnh	2020-2024	710/QĐ-UBND ngày 02/4/2019	151.049	31.035	120.014	68.454		
3	Dự án Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai tỉnh Quảng Trị	Toàn tỉnh	2017-2022	424/QĐ-UBND ngày 08/3/2017	84.478	14.560	69.918	54.106		
4	Dự án Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển	VL, GL, TP, HL	2019-2023	1486/QĐ-UBND ngày 18/6/2019	248.443	72.982	175.461	139.356		
5	Dự án Phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ tỉnh Quảng Trị (JICA)	HH, GL, HL, TP	2012-2021	3728/QĐ-UBND ngày 29/12/2017	225.180	22.365	202.815	14.093		
6	Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8)	VL, GL, HL, DH, CL, HH	2017-2022	1241/QĐ-UBND ngày 06/6/2018	226.710	11.921	214.789	64.513		
7	Dự án Phát triển các đô thị dọc hành lang tiểu vùng sông Mê Kông	Đông Hà, Lao Bảo	2013-2021	2780/QĐ-UBND ngày 14/10/2019	2.446.067	436.411	2.009.656	653.929		
8	Dự án Xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản địa phương (LRAMP)	VL, CL, GL, DK, HH, TP, HL	2016-2021	622/QĐ-BGTVT ngày 02/3/2016	219.110	16.110	203.000	36.231		
9	Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Quảng Trị	TP, HL, GL, VL, CL, DK, HH	2018-2023	1134/QĐ-UBND ngày 25/5/2018	998.152	255.679	742.473	433.469		

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian thực hiện	Số quyết định	Quyết định đầu tư				Dự kiến vốn nước ngoài kế hoạch 2021-2025	Ghi chú
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMĐT		Vốn nước ngoài		
						Trong đó:	Vốn đối ứng			
10	Phát triển cơ sở hạ tầng du lịch hỗ trợ cho tăng trưởng toàn diện khu vực tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng, giai đoạn 2 - tiểu dự án Quảng Trị	Gio Linh	2018-2024	2484/QĐ-UBND ngày 25/10/2018	258.111	41.068	217.043	173.634		
II	DỰ ÁN DỰ KIẾN MỚI				921.698	225.400	696.298	242.360		
1	Dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng với biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số - (CRIEM), tỉnh Quảng Trị	HH, ĐK	21-24	218/QĐ-TTg ngày 19/02/2021	921.698	225.400	696.298	242.360		

Biểu số 01

TỔNG HỢP KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025
NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

ĐVT: Triệu đồng

TT	Nội dung	Bộ KHĐT thông báo dự kiến	Địa phương dự kiến kế hoạch 2021 -2025	Ghi chú
	TỔNG CỘNG	5.540.500	7.940.500	
A	NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CÂN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ	2.232.900	2.232.900	
I	Dự phòng (10%)		223.290	
II	Đầu tư lĩnh vực Quốc hội quy định (Giáo dục - đào tạo và Khoa học - công nghệ)		491.150	Chi tiết tại biểu số 2
1	Giáo dục - đào tạo		446.500	Chiếm 20% tổng vốn
2	Khoa học công nghệ		44.650	Chiếm 2% tổng vốn
II	Đầu tư các khoản thuộc trách nhiệm chung của tỉnh (ngoài lĩnh vực GD-ĐT và KHCN)		536.480	
1	Nhiệm vụ quy hoạch		100.000	
2	Ưu đãi đầu tư		10.000	Dự kiến 2tỷ/năm
3	Đổi ứng các dự án án ODA		426.480	Chi tiết tại biểu số 3
III	Đầu tư theo phân cấp quản lý		981.980	
1	Cấp tỉnh quản lý (60%)		589.188	Chi tiết tại biểu số 4
2	Cấp huyện quản lý (40%)		392.792	
-	Thành phố Đông Hà		32.187	
-	Thị xã Quảng Trị		27.501	
-	Huyện Vĩnh Linh		44.287	
-	Huyện Hướng Hóa		56.310	
-	Huyện Gio Linh		43.477	
-	Huyện Đakrông		48.156	
-	Huyện Cam Lộ		37.275	
-	Huyện Triệu Phong		43.262	
-	Huyện Hải Lăng		41.684	
-	Huyện đảo Cồn Cỏ		18.653	
B	NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT	3.000.000	5.400.000	Chi tiết tại biểu số 5
1	Cấp tỉnh quản lý		3.300.000	
2	Cấp huyện quản lý		2.100.000	
C	XỔ SỐ KIẾN THIẾT	200.000	200.000	Chi tiết tại biểu số 6
D	BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	107.600	107.600	

Biểu số 2

TỔNG HỢP DANH MỤC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ CHO LĨNH VỰC GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO, GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP VÀ KHOA HỌC CÔNG
 DVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quyết định đầu tư được phê duyệt		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			
				Tổng số			Trong đó: NSĐP
	TỔNG CỘNG			442.966	435.596	491.150	
I	GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO			350.589	348.089	446.500	
1	Cấp tỉnh			350.589	348.089	267.900	
*	<i>Các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021-2025</i>			<i>125.775</i>	<i>125.775</i>	<i>53.286</i>	
-	Bố trí vốn quyết toán					5.000	
-	Hội trường Sở Giáo dục và Đào tạo	TP Đông Hà	2509/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	10.407	10.407	1.340	
-	Trường THPT Cửa Việt, huyện Gio Linh	Gio Linh	2376a/QĐ-UBND 30/10/2015	45.500	45.500	12.908	
-	Trường THPT Bùi Dục Tài, huyện Hải Lăng	Hải Lăng	949/QĐ-UBND ngày 02/05/2019	33.386	33.386	22.586	
-	Nâng cấp và xây mới trường Mầm non Sao Mai, Đông Hà	Đông Hà	2972/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	9.000	9.000	1.000	
-	Nhà hiệu bộ Trường Cao đẳng Y tế	Đông Hà	2511/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	7.000	7.000	1.000	
-	Nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ Trường THPT Nguyễn Hữu Thận	Triệu Phong	2508/QĐ-UBND 30/10/2018	6.500	6.500	835	
-	Trường THPT Nguyễn Huệ, Thị xã Quảng Trị	TX Quảng Trị	2008/QĐ-UBND (TX) ngày 08/11/2017	4.154	4.154	2.000	Hỗ trợ TX đối ứng DA do Bảo việt tài trợ
-	Nhà học thực hành trường THPT Thị xã Quảng Trị	TX Quảng Trị	1438/QĐ-UBND ngày 05/6/2020	9.828	9.828	6.617	
*	<i>Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025</i>			<i>217.114</i>	<i>214.614</i>	<i>214.614</i>	
-	Trường THCS&THPT Cồn Tiên, huyện Gio Linh	Gio Linh	100/NQ-HĐND 9/12/2020	14.900	14.900	14.900	
-	Trường THCS&THPT Bến Quan, huyện Vĩnh Linh, Hạng mục: Nhà học thực hành	Vĩnh Linh	101/NQ-HDDND 09/12/2020	14.900	14.900	14.900	
-	Trường THPT Cam Lộ, Hạng mục: Nhà đa năng và nhà hiệu bộ	Cam Lộ		12.000	10.000	10.000	
-	Trang thiết bị dạy học trường THPT Chuyên Lê Quý Đôn	TP Đông Hà		5.000	5.000	5.000	
-	Trường Cao đẳng Kỹ thuật tỉnh Quảng Trị, Hạng mục: xây mới Giảng đường đa năng	TP Đông Hà		14.614	14.614	14.614	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quyết định đầu tư được phê duyệt		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			
				Tổng số			Trong đó: NSDP
-	Trường THPT Hải Lăng, Hạng mục: Nhà Đa chức năng và nhà hiệu bộ	Hải Lăng		8.500	8.500	8.500	
-	Trường THPT Vĩnh Linh, Hạng mục: Nhà Đa chức năng và các hạng mục phụ trợ	Vĩnh Linh		5.500	5.500	5.500	
-	Trường THPT Chu Văn An, Hạng mục: Nhà đa năng và các hạng mục phụ trợ	Triệu Phong		6.000	5.500	5.500	
-	Trường THPT Vĩnh Định, Hạng mục: Nhà Đa chức năng và các hạng mục phụ trợ	Triệu Phong		5.500	5.500	5.500	
-	Trường THPT Triệu Phong, Hạng mục: Nhà chức năng và các hạng mục phụ trợ	Triệu Phong		4.500	4.500	4.500	
-	Trường Cao đẳng Kỹ thuật tỉnh Quảng Trị, Hạng mục: Cải tạo khối phòng học	TP Đông Hà		6.500	6.500	6.500	
-	Trường THCS&THPT Bến Quan, huyện Vĩnh Linh, Hạng mục: Nhà đa chức năng	Vĩnh Linh		4.500	4.500	4.500	
-	Trường THPT A Túc, Hạng mục: Nhà học thực hành	Hướng Hóa		8.000	8.000	8.000	
-	Trường THPT Hướng Phùng, Hạng mục: Nhà học thực hành	Hướng Hóa		8.000	8.000	8.000	
-	Trường THPT Lao Bảo, Hạng mục: Nhà đa chức năng	Hướng Hóa		7.000	7.000	7.000	
-	Nhà Hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ Trường THPT Trần Thị Tâm	Hải Lăng		6.000	6.000	6.000	
-	Nhà Đa chức năng Trường THPT Nguyễn Huệ	TX Quảng Trị		4.500	4.500	4.500	
-	Trường THCS&THPT Bến Hải, Hạng mục: Nhà đa chức năng	Vĩnh Linh		4.500	4.500	4.500	
-	Nhà học Trường Trẻ em khuyết tật tỉnh	Đông Hà		7.000	7.000	7.000	
-	Trường THPT Đakrông, Hạng mục: Nhà hiệu bộ và các hạng mục phụ trợ	Đakrông		6.000	6.000	6.000	
-	Nhà học thực hành và các hạng mục phụ trợ Trường THPT Lê Lợi	TP Đông Hà		7.700	7.700	7.700	
-	Nhà thư viện và các hạng mục phụ trợ Trường THPT Chế Lan Viên	Cam Lộ		4.000	4.000	4.000	
-	Trường cao đẳng giao thông vận tải	ĐÔNG HÀ		2.000	2.000	2.000	
-	Phát triển hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú tỉnh (NQ số 19/2019/NQ-HĐND ngày 20/7/2019)	Toàn tỉnh		50.000	50.000	50.000	
2	Cấp huyện					178.600	
-	Huyện Hướng Hóa					25.500	
-	Huyện Đakrông					21.900	
-	Huyện Cam Lộ					17.000	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quyết định đầu tư được phê duyệt		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Ghi chú	
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT			
				Tổng số			Trong đó: NSDP
-	Huyện Hải Lăng				19.000		
-	Huyện Triệu Phong				19.700		
-	Huyện Vĩnh Linh				20.200		
-	Huyện Gio Linh				19.700		
-	TX Quảng Trị				15.000		
-	TP Đông Hà				20.600		
II	KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ			92.377	87.507	44.650	
I	<i>Các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021-2025</i>			46.129	44.375	1.518	
-	Trạm ứng dụng Khoa học công nghệ Bắc Hướng Hóa	Hướng Hóa	2756/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	19.129	19.129	1.100	
-	Thiết bị đo lường thử nghiệm phục vụ kiểm tra chất lượng hàng hóa tại khu kinh tế thương mại đặc biệt Lao Bảo	Hướng Hóa	2755/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	27.000	25.246	418	
2	<i>Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025</i>			46.248	43.132	43.132	
-	Đầu tư thiết bị đo lường, thử nghiệm và thiết bị công nghệ sinh học (giai đoạn 1)	Toàn tỉnh	99/NQ-HĐND 9/12/2020	25.616	22.500	22.500	
-	Đầu tư thiết bị đo lường, thử nghiệm và thiết bị công nghệ sinh học (giai đoạn 2)	Toàn tỉnh		20.632	20.632	20.632	

Biểu số 3
TỔNG HỢP DANH MỤC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
NGUỒN VỐN ĐỐI ỨNG CÁC DỰ ÁN ODA THUỘC TRÁCH NHIỆM NGÂN SÁCH TẬP TRUNG

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư				Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Ghi chú
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMDT				
							Vốn đối ứng	Trong đó: NSDP			
	TỔNG SỐ					4.686.852	920.891	558.550		426.480	
I	CÁC DỰ ÁN ĐANG TRIỂN KHAI THỰC HIỆN					4.686.852	920.891	558.550		276.480	
1	Y tế, dân số và gia đình										
	<i>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2021</i>										
-	Dự án Đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở tỉnh Quảng Trị	Toàn tỉnh	xây dựng các trạm y tế	2020-2024	710/QĐ-UBND ngày 02/4/2019	151.049	31.035	31.035		26.270	Nguồn HCSN: 2.265 triệu
2	Các hoạt động kinh tế										
2.1	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản										
	<i>Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2021</i>										
-	Dự án Phục hồi và quản lý bền vững rừng phòng hộ tỉnh Quảng Trị (JICA)	HH, GL, HL, TP	RPH 2.900 ha, bảo vệ 2.500 ha, khoanh nuôi tái sinh 1.700 ha	2012-2021	1405/QĐ-UBND ngày 08/8/2012; 3728/QĐ-UBND ngày 29/12/2017	225.180	22.365	22.365		10.584	
	<i>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2021</i>										
-	Dự án Hiện đại hóa ngành Lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển	VL, GL, TP, HL		2019-2023	1486/QĐ-UBND ngày 18/6/2019	248.443	72.982	72.982		64.684	

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian K-C-HT	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Ghi chú
						TMĐT				
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Tổng số	Trong đó: NSDP		
2.2	Công nghiệp Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2021									
	Tiểu Dự án Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Quảng Trị, giai đoạn 2018 - 2020 - EU tài trợ	HH, HL, GL	ĐD 23,747 km; 27 TBA; 109,902 km đđ hạ thế	2018-2020	1651/QĐ-TTg ngày 27/10/2017; 1740/QĐ-TTg ngày 13/12/2018; 346/QĐ-UBND ngày 21/2/2019	76.993	11.993	11.993	3.500	Vốn đối ứng: GT quy đổi phần nhân dân đóng góp 4.993 triệu đồng; phần vốn còn lại NSDP
2.3	Giao thông Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2021									
	Dự án Phát triển các đô thị dọc hành lang tiểu vùng sông Mê Kông	DH, LB	Phát triển đô thị	2013-2021	2830/QĐ-UBND ngày 04/11/2016; 1073/QĐ-UBND ngày 13/5/2019	2.446.067	436.411	216.645	54.860	Quy đổi bố trí hoàn ứng là 39.559 triệu đồng
	Dự án Đường nối Cầu Đại Lộ với Quốc lộ 1A	DH, TP	2.080,47 m đường	2013-2020	1636/QĐ-UBND ngày 11/9/2013 1750/QĐ-UBND ngày 28/6/2017	49.739	22.387	22.387	590	
	Dự án Xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP)	VL, CL, GL, ĐK, HH, TP, HL	Xây dựng 99,92 km đường; Bảo dưỡng 2,459km; XD, nập cấp, cải tạo 52 cầu	2016-2021	622/QĐ-BGTVT ngày 02/3/2016	219.110	16.110	16.110	3.960	
	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2021									
	Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Quảng Trị	TP, HL, GL, VL, CL, ĐK, HH	2 hợp phần	2018-2023	998/QĐ-UBND ngày 15/5/2017; 1134/QĐ-UBND ngày 25/5/2018	998.152	255.679	119.604	71.895	

22

TT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Ghi chú
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMDT			
							Vốn đối ứng	Trong đó: NSDP		
2.4	Cấp nước, thoát nước Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2021									
-	Dự án cấp nước xã Vĩnh Long, Vĩnh Hà, huyện Vĩnh Linh	Vĩnh Linh	2.000 m ³ /ngày.đêm	2013-2015	1224/QĐ-UBND ngày 13/7/2010; 1013/QĐ-UBND ngày 28/5/2014	14.008	10.861	4.361	1.000	
2.5	Du lịch Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2021									
-	Phát triển cơ sở hạ tầng du lịch hỗ trợ cho tăng trưởng toàn diện khu vực tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng, giai đoạn 2 - tiểu dự án Quảng Trị	Gio Linh	Bãi tắm cộng đồng; hệ thống xử lý nước thải, vệ sinh môi trường	2018-2024	1381/QĐ-TTg ngày 18/10/2018, 2484/QĐ-UBND ngày 25/10/2018	258.111	41.068	41.068	39.137	
II CÁC DỰ ÁN MỚI				21-25					150.000	Trình HĐND tỉnh giao danh mục các dự án ODA mới khi đàm bảo đủ điều kiện giao vốn

2

Biểu số 4
TỔNG HỢP DANH MỤC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI PHÂN CẤP ĐO CẤP TỈNH QUẢN LÝ

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên dự án	Địa điểm XD	Quyết định đầu tư được phê duyệt				Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Ghi chú
			TMBT		Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Kế hoạch trung hạn 2021-2025		
			Tổng số	Trong đó: NSDP				
	TỔNG CỘNG							
I	HOÀN TRẢ ỨNG TRƯỚC		1.212.794	510.598		589.188		
-	Dự án hiện đại hóa ngành lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu ven biển					60		
-	Cầu Cam Hiếu					4.800		
II	CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ					20.000		
III	QUYẾT TOÁN CÔNG TRÌNH					88.000		
IV	ĐẦU TƯ NGÀNH, LĨNH VỰC		1.212.794	510.598		476.328		
I	Quốc phòng		171.200	72.800		52.400		
	<i>Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021-2025</i>							
-	Nâng cấp mặt đường từ Sa Trầm xã Ba Nang đi Pa Lin xã A Vao (giai đoạn 2)	Đakrông	2375/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	98.000	4.000	4.000	Đổi ứng dự án NSTW	
-	Công trình trận địa chiến đấu phòng không	MẬT	MẬT	9.200	4.800	2.400	Hoàn thành	
	<i>Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025</i>							
-	Đường hầm sơ chỉ huy thống nhất thời chiến của lãnh đạo Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Quảng Trị (Mãt danh: CH5-02) (giai đoạn 2)	Đakrông	97/NQ-HDND 9/12/2020	31.000	31.000	13.000	+ Vốn đầu giá đất 18 tỷ đồng	
-	Trường bán huyện Gio Linh	Gio Linh	20/NQ-HDND 25/11/2020 của huyện GL	1.000	1.000	1.000	1540/UBND-NC ngày 10/4/2020	
-	Cơ sở khám chữa bệnh tại thôn Cù Bai, xã Hướng Lập, huyện Hướng Hóa	Hướng Hóa	95/NQ-HDND 9/12/2020	2.000	2.000	2.000	2716/UBND-NC ngày 22/6/2020	
-	Xây dựng điểm cơ sở A11 theo đường cơ sở để tính chiều rộng lãnh hải trên vùng biển Việt Nam	Cồn Cỏ		30.000	30.000	30.000	170/UBND-TN ngày 14/8/2020	

24

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quyết định đầu tư được phê duyệt			Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Ghi chú
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số TMDT	Trong đó: NSDP		
2	An ninh và trật tự, an toàn xã hội Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021-2025			22.700	22.700	12.780	
-	Xây dựng doanh trại Đội cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ huyện Vĩnh Linh	Vĩnh Linh	1711/QĐ-UBND ngày 10/7/2019	7.500	7.500	2.090	Hoàn thành
-	Xây dựng doanh trại Đội cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thị xã Quảng Trị	TX Quảng Trị	1071/QĐ-UBND 13/5/2019	10.000	10.000	5.490	Hoàn thành
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025						
-	Trụ sở công an xã Ba Tầng huyện Hướng Hóa	Hướng Hóa		3.000	3.000	3.000	Bổ trí CBDT tại 2785/QĐ-UBND ngày 28/9/2020
-	Nhà làm việc công an quân sự xã Vĩnh Thái huyện Vĩnh Linh	Vĩnh Linh		1.200	1.200	1.200	479/UBND-TM ngày 4/2/2021
-	Sửa chữa, nâng cấp một số hạng mục Trụ sở Ban chỉ huy quân sự huyện Vĩnh Linh	Vĩnh Linh		1.000	1.000	1.000	1340/UBND-CN 13/4/2021
5	Y tế, dân số và gia đình Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025			40.000	37.000	34.000	
-	Khu nhà kỹ thuật và cải tạo sửa chữa các khoa phòng Bệnh viện Mắt	Đông Hà		12.000	12.000	9.000	+ Vốn XSKT 5036/KH-UBND ngày 4/11/2020 của UBND tỉnh
-	Trung tâm y tế huyện Hải Lăng, Hạng mục: Khu điều trị Khoa Nội nhiễm khuẩn	Hải Lăng		9.000	9.000	9.000	44/TB-UBND ngày 5/4/2021
-	Trung tâm y tế huyện Vĩnh Linh - Hạng mục: Khoa chẩn đoán hình ảnh, Khoa truyền nhiễm	Vĩnh Linh	4599/QĐ-UBND 283/12/2020 của huyện VL	19.000	16.000	16.000	+ Vốn NS huyện cân đối
6	Văn hóa, thông tin Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021-2025			98.922	53.000	50.000	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quyết định đầu tư được phê duyệt				Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Ghi chú
			TMĐT		Trong đó: NSDP			
			Tổng số					
-	Nhà văn hóa huyện Gio Linh	Gio Linh	3625/QĐ-UBND 30/10/2020 UBND huyện GL	32.240	15.000	14.000	Hoàn thành	
-	Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện Hải Lăng (giai đoạn 1)	Hải Lăng	189/QĐ-UBND ngày 14/4/2020 UBND huyện HL	26.682	8.000	6.000	Hỗ trợ xây dựng huyện NTM	
-	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025							
-	Đường vào khu di tích quốc gia Thành Tân Sờ	Cam Lộ		20.000	10.000	10.000	+ Vốn NS huyện cân đối 4469/UBND-TH ngày 1/10/2020	
-	Nhà văn hóa trung tâm thị xã Quảng Trị	Quảng Trị		20.000	20.000	20.000	51/TB-UBND ngày 8/5/2020	
7	Phát thanh, truyền hình, thông tấn			19.000	19.000	19.000		
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025							
-	Đầu tư cơ sở vật chất đài truyền thanh cấp huyện	Tàen tỉnh		15.000	15.000	15.000	63/TB-UBND ngày 28/5/2020	
-	Nhà đất máy phát thanh, truyền hình tại Trung tâm truyền hình kỹ thuật số	Đông Hà		4.000	4.000	4.000	713/UBND-VX ngày 3/3/2021	
9	Bảo vệ môi trường			10.000	10.000	10.000		
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025							
-	Hệ thống tuyến ống dẫn nước thải cụm công nghiệp Diên Sanh	Hải Lăng		10.000	10.000	10.000	48/TB-UBND 17/5/2018	
10	Các hoạt động kinh tế			784.194	240.620	166.900		
	Nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản			15.000	15.000	15.000		
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025							
-	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu chế biến thủy hải sản tập trung huyện Gio Linh	Gio Linh		15.000	15.000	15.000	113/TB-UBND 2/8/2019	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quyết định đầu tư được phê duyệt				Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Ghi chú
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Trong đó: NSDP		
				Tổng số				
10.2	Công nghiệp Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021-2025			71.000	11.000	2.000		
-	Cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2014-2020	Toàn tỉnh	2393/QĐ-UBND 30/10/2014 842/QĐ-UBND 24/4/2017	71.000	11.000	2.000	Hoàn thành	
10.3	Giao thông Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021-2025			596.266	160.120	107.300		
-	Nâng cấp hệ thống đường giao thông TX Quảng Trị	TX Quảng Trị	1915/QĐ-UBND 12/7/2017 69/NQ-HĐND 10/11/2020	119.856	50.000	26.000	Hoàn thành	
-	Đường tránh lũ, cứu hộ và phát triển kinh tế phía Tây huyện Triệu Phong và phía Nam huyện Cam Lộ	Triệu Phong	247/QĐ-UBND 15/2/2011 1511/QĐ-UBND 22/7/2014	350.000	25.820	4.000	Hoàn thành	
-	Nâng cấp hệ thống đường liên thôn xã Vĩnh Chấp, huyện Vĩnh Linh	Vĩnh Linh	1964/QĐ-UBND 29/7/2019	7.200	3.000	2.000	Hoàn thành	
-	Nâng cấp một số tuyến đường nội thị, hệ thống chiếu sáng khu vực trung tâm huyện Đakrông	Đakrông	2513/QĐ-UBND 30/10/2018	19.060	9.000	3.000	Hoàn thành	
-	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025							
-	Đường giao thông liên thôn Mã Lai-Tân Pun, xã Hương Phong, huyện Hương Hóa	Hương Hóa		8.300	8.300	8.300	790/UBND-NC ngày 7/3/2017	
-	Đường Dương Văn An (kéo dài), thị trấn Cam Lộ, huyện Cam Lộ	Cam Lộ	30/NQ-HĐND 4/12/2020 của huyện CL	27.000	16.000	16.000	+ Vốn NS huyện cân đối	

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quyết định đầu tư được phê duyệt				Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Ghi chú
			TMDT		Trong đó: NSDP			
			Tổng số					
-	Đường Nguyễn Văn Linh, thị trấn Ái Tử	Triệu Phong		25.000	15.000	15.000	+ Vốn NS huyện cân đối 73-TB/TU ngày 12/4/2021 của Tỉnh ủy QT	
-	Đường làm nghiệp phục vụ sản xuất vùng nguyên liệu tập trung và phòng chống cháy rừng huyện Cam Lộ	Cam Lộ		20.000	15.000	15.000	+ Vốn NS huyện cân đối KH 16-20 đã phê duyệt dự án tại Quyết định số 2605/QĐ-UBND ngày 24/10/2016	
-	Hệ thống điện chiếu sáng khu vực nội thị thị trấn Gio Linh	Gio Linh	4552/QĐ-UBND 31/12/2020 của huyện GL	4.850	3.000	3.000	+ Vốn NS huyện cân đối KH 16-20 giao từ nguồn dự phòng nhưng chưa được phân bổ	
-	Nâng cấp một số tuyến đường nội thị, hệ thống điện chiếu sáng khu vực trung tâm huyện Đakrông (giai đoạn 2)	Đakrông		15.000	15.000	15.000	122/KL-UBND ngày 10/9/2020 của UBND tỉnh	
10.4	Khu công nghiệp và khu kinh tế			29.835	26.000	17.800		
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021-2025							
-	Xây dựng CSHT CCN Hải Chánh; hạng mục tuyến đường RD5	Hải Lăng		4.335	3.000	1.800	Hoàn thành	
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025							

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quyết định đầu tư được phê duyệt				Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Ghi chú
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Trong đó: NSDP		
				Tổng số				
	Cơ sở hạ tầng Cụm công nghiệp Hải Chánh	Hải Lăng		13.000	12.000	10.000	39/2020/NQ-HĐND ngày 23/7/2020	
	Hệ thống xử lý nước thải Cụm công nghiệp Hải Lệ, thị xã Quảng Trị	Quảng Trị		9.000	8.000	3.000	39/2020/NQ-HĐND ngày 23/7/2020	
	Hệ thống xử lý nước thải cụm công nghiệp Tân Định, huyện Cam Lộ	Cam Lộ		3.500	3.000	3.000	39/2020/NQ-HĐND ngày 23/7/2020	
10.5	Thương mại			8.000	4.500	4.500		
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025							
-	Nâng cấp, mở rộng chợ Tân Long, huyện Hướng Hóa	Hướng Hóa		5.000	3.000	3.000	+ Vốn NS huyện cân đối 36/TB-UBND ngày 1/4/2019	
-	Chợ Cam Nghĩa, huyện Cam Lộ	Cam Lộ		3.000	1.500	1.500	+ Vốn NS huyện cân đối Hỗ trợ NTM theo TB số 77-TB/TU ngày 15/4/2021	
10.6	Cấp nước, thoát nước			17.171	15.500	15.500		
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025							
-	Hệ thống cấp nước tập trung huyện đảo Côn Cỏ (giai đoạn 2)	Côn Cỏ		17.171	15.500	15.500	+ Vốn NS huyện cân đối 506/UBND-NC ngày 17/2/2020	
10.10	Công nghệ thông tin			46.922	8.500	800		

TT	Tên dự án	Địa điểm XD	Quyết định đầu tư được phê duyệt				Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Ghi chú
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số TMDT	Trong đó: NSDP			
-	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021-2025							
-	Xây dựng Chính quyền điện tử tỉnh Quảng Trị	Đông Hà	2782/QĐ-UBND 31/10/2017	46.922	8.500	800	Hoàn thành	
10.13	Hỗ trợ doanh nghiệp					4.000		
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025							
-	Dự án khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn					4.000	Hỗ trợ	
11	Quản lý nhà nước			66.778	55.478	119.248		
	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021-2025							
-	Cải tạo, nâng cấp trụ sở Sở Tài nguyên Môi trường	Đông Hà	2065/QĐ-UBND 29/7/2020	7.000	2.000	2.000	Hoàn thành	
	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025							
-	Trụ sở Hội liên hiệp phụ nữ tỉnh	Đông Hà	66/NQ-HĐND 10/11/2020	13.978	13.978	13.978	HDND tỉnh đã giao KH 2021	
-	Cải tạo, sửa chữa trụ sở Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh	Đông Hà	96/NQ-HĐND 9/12/2020	2.500	2.500	2.500	HDND tỉnh đã giao KH 2021	
-	Đề án Hệ thống công sở các cơ quan hành chính nhà nước cấp tỉnh	Đông Hà				63.770	20/TB-UBND ngày 22/02/2020	
-	Hội trường Đảng ủy khối cơ quan và doanh nghiệp tỉnh	Đông Hà		10.000	10.000	10.000		
-	Cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc Sở Ngoại vụ	Đông Hà		2.500	2.500	2.500		+ Vốn NS huyện cân đối
-	Hội trường huyện ủy Cam Lộ	Cam Lộ		12.000	8.000	8.000		4469/UBND-TH ngày 1/10/2020

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quyết định đầu tư được phê duyệt			Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Ghi chú
			Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số TMDT	Trong đó: NSDP		
-	Sửa chữa nâng cấp Trụ sở Đảng ủy, HĐND, UBND xã Triệu Nguyên	Dakrông		7.300	6.500	6.500	+ Vốn NS huyện cân đối 122/KL-UBND ngày 10/9/2020
-	Hội trường huyện ủy, HĐND, UBND huyện Dakrông	Dakrông	118/NQ-HDND 4/12/2020 của huyện DK	7.000	5.500	5.500	+ Vốn NS huyện cân đối 122/KL-UBND ngày 10/9/2020
-	Nhà công vụ huyện Dakrông	Dakrông		4.500	4.500	4.500	+ Vốn NS huyện cân đối 122/KL-UBND ngày 10/9/2020
13	Ngành, lĩnh vực khác					12.000	
-	Chi thực hiện các dự án từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại					12.000	

Biểu số 05
TỔNG HỢP DANH MỤC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT

ĐVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm	Quyết định đầu tư được duyệt		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Ghi chú	
			Số quyết định	TMDT			
			Tổng số	Trong đó: NSDP			
TỔNG SỐ							
CẤP TỈNH QUẢN LÝ							
I	NGUỒN THU TỪ ĐẦU GIÁ QSD ĐẤT Ở						
1	Đo đạc địa chính và quỹ phát triển đất						
2	Bố trí các công trình phát triển quỹ đất						
a	Dự án chuyển tiếp						
-	Xây dựng cơ sở hạ tầng khu vực Bắc sông Hiếu	Đông Hà	1829/QĐ-UBND ngày 04/8/2016; 933/QĐ-UBND ngày 26/4/2019	251.951	251.951	62.000	Trong đó: Bổ trí trả nợ vốn vay 44 tỷ đồng
-	Đường Vành đai cứu hộ cứu nạn phía Tây thành phố Đông Hà (giai đoạn 1)	Đông Hà	1433/QĐ-UBND ngày 05/08/2010; 3389/QĐ-UBND ngày 08/12/2017	189.127	158.708	5.000	Hoàn thành
-	Khu đô thị phía Đông đường Thành Cổ	Đông Hà	2784/QĐ-UBND ngày 31/10/2016; 369/QĐ-UBND ngày 25/2/2019	56.078	56.078	2.000	Hoàn thành
-	Khu đô thị Bắc sông Hiếu giai đoạn 2	Đông Hà	13/NQ-HĐND ngày 20/7/2019; 2985/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	443.876	443.876	385.000	Hoàn thành
-	Via hệ các tuyến đường Khu đô thị Nam Đông Hà giai đoạn 1	Đông Hà	3405/QĐ-UBND ngày 10/12/2020	7.900	7.900	4.800	Hoàn thành

STT	Tên mục dự án	Địa điểm	Quyết định đầu tư được duyệt		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Ghi chú	
			Số quyết định	Tổng số TMBT Trong đó: NSDP			
-	Khu đô thị Nam Đông Hà giai đoạn 3	Đông Hà	1609/QĐ-UBND ngày 05/8/2021	334.014	334.014	7.000	Hoàn thành
b	Dự án khởi công mới						
-	Khu đô thị Tân Vinh	Đông Hà	05/NQ-HĐND ngày 10/3/2021	60.800	60.800	60.200	Đã phê duyệt CTBT
-	Khu đô thị sinh thái Nam Đông Hà	Đông Hà	106/NQ-HĐND ngày 09/12/2020	546.680	546.680	485.000	Giàn tiến độ do ưu tiên nguồn lực cho dự án trọng điểm
-	Giải phóng mặt bằng phục vụ đầu giá QSD đất để thực hiện dự án Khu đô thị Thương mại - dịch vụ nam Đông Hà	Đông Hà		18.476	18.476	18.000	4216/UBND-TN ngày 16/9/2019
-	Nghĩa trang phục vụ di dời mộ Khu vực Bắc sông Hiếu	Đông Hà	06/NQ-HĐND ngày 10/3/2021	22.270	22.270	22.000	Đã phê duyệt CTBT
-	Công viên mini Phường 2, thành phố Đông Hà	Đông Hà	29/NQ-HĐND ngày 09/6/2020	7.300	7.300	6.500	Đã phê duyệt CTBT
3	Bố trí cho các công trình phát triển KTXH khác			5.998.922	1.372.330	855.000	
a	Dự án chuyển tiếp						
-	Đường Trường Chinh (đoạn từ Lê Lợi đến Hùng Vương)	Đông Hà	2335/QĐ-UBND ngày 04/9/2019	14.893	14.893	4.500	Hoàn thành
-	Điện chiếu sáng đường Trần Bình Trọng (đoạn từ QL.9 đến đường Điện Biên Phủ)	Đông Hà	7173/QĐ-UBND ngày 20/11/2019; 1966/QĐ-UBND ngày 23/7/2020	8.495	8.495	3.000	Hoàn thành

STT	Danh mục dự án	Địa điểm	Quyết định đầu tư được duyệt			Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Ghi chú
			Số quyết định	TMĐT			
				Tổng số	Trong đó: NSDP		
-	Dường Trần Bình Trọng (đoạn từ Đập ngăn mặn sông Hiếu đến QL.9)	Đông Hà	44/NQ-HĐND ngày 06/12/2019	63.502	63.502	49.100	Hoàn thành
-	Cải tạo, nâng cấp trụ sở Sở Tài nguyên Môi trường	Đông Hà	2065/QĐ-UBND 29/7/2020	7.000	7.000	1.000	Hoàn thành
-	Cải tạo nhà khách Tỉnh uỷ Quảng Trị	Đông Hà	1131/QĐ-UBND ngày 05/5/2020	13.789	10.789	10.700	Hoàn trả vốn ứng trước 5 tỷ đồng
-	Cải tạo, sửa chữa nhà làm việc các Ban Đảng, nhà công vụ	Đông Hà	3495/UBND-TH ngày 03/8/2020	13.000	13.000	13.000	Hoàn trả vốn ứng trước 5,5 tỷ đồng
-	Đường và cầu Trung Yên, xã Triệu Độ, huyện Triệu Phong	Triệu Phong	2940/QĐ-UBND ngày 30/10/2017	8.186	8.186	2.100	Hoàn thành
-	Dự án Phát triển các đô thị dọc hành lang tiêu vùng sông Mê Kông	DH, HH	2830/QĐ-UBND ngày 04/11/2016 1073/QĐ-UBND 13/5/2019	2.446.067	216.645	130.000	Hoàn trả Quỹ PT đất tỉnh 28 tỷ; hoàn trả ADB vốn ứng GPMB 95 tỷ
-	Cơ sở hạ tầng Khu Tái định cư Lao Bảo - Tân Thành (giai đoạn 2013-2015)	Hướng Hóa	628/QĐ-UBND 31/3/2017	59.412	14.360	2.500	Thanh toán KLHT
-	Hệ thống điện chiếu sáng tuyến đường trung tâm (thuộc dự án CSHT KCN Quán Ngang)	Gio Linh	3183/QĐ-UBND ngày 31/12/2018	5.818	800	800	Thanh toán KLHT
-	Hệ thống xử lý nước thải KCN Quán Ngang	Gio Linh	614/QĐ-UBND ngày 29/6/2016	104.000	4.000	3.200	Thanh toán KLHT
-	Đường nối KCN Đông Nam Quảng Trị đến cảng Cửa Việt (đường trung tâm trục dọc KKT Đông Nam, tỉnh Quảng Trị)	TP, HL	2986/QĐ-UBND ngày 30/10/201; 2163/QĐ-UBND ngày 19/8/2019	630.000	13.400	13.400	Hoàn thành
-	Đường nối từ cầu Thạch Hãn đến trung tâm phường An Đôn, TX Quảng Trị	TP, QT	2514/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	80.000	50.000	45.000	Hoàn thành
b	Dự án khởi công mới						
-	Hỗ trợ ưu đãi đầu tư					1.000	Hỗ trợ

STT	Danh mục dự án	Địa điểm	Quyết định đầu tư được duyệt				Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Ghi chú
			Số quyết định	TMĐT		Trong đó: NSDP		
				Tổng số				
-	Cầu Bến Lội, huyện Triệu Phong	TP	1881/QĐ-UBND ngày 16/7/2020	19.000	19.000	18.000	+ Vốn NS huyện cần đối KH 16-20 đã giao nhưng không thu được nên chưa thực hiện	
-	Cầu qua sông Nhung và đường hai đầu cầu, huyện Hải Lăng	Hải Lăng	37/NQ-HĐND ngày 02/12/2020	5.000	5.000	5.000	1228/UBND-CN ngày 24/3/2020 của UBND tỉnh	
-	Via hè đường Lý Thường Kiệt, TP Đông Hà	Đông Hà	93/NQ-HĐND ngày 03/12/2020	20.000	20.000	18.000	+ Vốn NS thành phố cần đối	
-	Via hè đường Hùng Vương (đoạn từ Ngõ Quyền đến Lý Thường Kiệt)	Đông Hà	11/NQ-HĐND ngày 21/4/2020	14.900	14.900	14.900	4608/UBND-TN ngày 08/10/2019	
-	Công viên đường Hùng Vương, thành phố Đông Hà	Đông Hà		18.000	18.000	18.000	20/TB-UBND ngày 09/3/2020	
-	Chợ Tân Liên, huyện Hướng Hóa	Hướng Hóa	3234/QĐ-UBND ngày 24/10/2019	7.000	2.000	1.000	+ Vốn NS huyện cần đối	
-	Cầu Kênh mới, xã Vĩnh Chấp, huyện Vĩnh Linh	Vĩnh Linh	65/NQ-HĐND ngày 10/11/2020	4.500	4.000	4.000	+ Vốn bảo trì đường bộ	
-	Hoàn thiện hạ tầng đường Trần Bình Trọng (đoạn từ đường NTT đến đường Điện Biên Phủ)	Đông Hà		9.860	9.860	9.500	20/TB-UBND ngày 09/3/2020	
-	Đường nối từ đường Bà Triệu (Tại nút giao đường đầu cầu sông Hiếu) đến đường Trần Hưng Đạo, thành phố Đông Hà	Đông Hà		75.000	75.000	75.000	1191/UBND-CN ngày 25/3/2019	
-	Tạo mặt bằng sạch tại thửa đất số 383 (154a), tờ bản đồ số 30 của bà Lê Thị Cúc, trú tại khu phố 2 phường Đông Lễ	Đông Hà		2.200	2.200	2.200		

STT	Danh mục dự án	Địa điểm	Quyết định đầu tư được duyệt			Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Ghi chú
			Số quyết định	TMĐT			
		Tổng số		Trong đó: NSDP			
-	Đường nối từ cầu chui đường sắt (tại nút giao DT575a với quốc lộ 1) đi DT575b, huyện Gio Linh	Gio Linh	1036/QĐ-UBND ngày 20/4/2020	19.500	6.500	6.500	+ Vốn bảo trì đường bộ
-	Mô hình điểm trung chuyển rác, xử lý rác tại các xã thuộc địa bàn huyện Hải Lăng, Vĩnh Linh, Triệu Phong	HL, TP, VL		14.600	14.600	14.600	42/TB-TB-UBND 13/4/2020
-	Via hè và hệ thống thoát nước đường Trần Cao Vân, TP Đông Hà	Đông Hà		12.000	10.000	10.000	+ Vốn NS thành phố cân đối
-	Đường Trần Quang Khải nối dài (đoạn từ đường Hàn Mặc Tử đến đường Lê Thánh Tông)	Đông Hà		20.000	16.000	16.000	+ Vốn NS thành phố cân đối
-	Via hè và hệ thống thoát nước đường Lê Lợi, TP Đông Hà	Đông Hà		19.000	16.000	16.000	+ Vốn NS thành phố cân đối
-	GPMB khu vực hồ nuôi tôm Lập Thạch, phường 2, thành phố Đông Hà	Đông Hà		9.200	9.200	9.200	Hoàn trả tạm ứng
-	Nâng cấp một số tuyến đường nội thị trấn Hồ Xá, huyện Vĩnh Linh	Vĩnh Linh		15.000	12.000	12.000	+ Vốn NS huyện cân đối
-	Nâng cấp một số tuyến đường nội thị xã Quảng Trị	Quảng Trị		15.000	12.000	12.000	+ Vốn NS thị xã cân đối
-	Xây dựng lò đốt chất thải rắn sinh hoạt khu vực nghĩa trang liệt sĩ Trường Sơn và vùng lân cận	Vĩnh Linh		8.000	8.000	4.000	100/TB-UBND 12/8/2020 Đối ứng Quỹ BVMT VN
-	Tăng cường năng lực cấp nước sinh hoạt mùa hạn cho thành phố Đông Hà	Đông Hà		26.000	26.000	26.000	100/TB-UBND 29/7/2020
-	Hệ thống cấp nước sinh hoạt tập trung vùng nông thôn	HH, DK, CL		60.000	27.000	27.000	+ Vốn NSTW
-	Cải tạo, sửa chữa trụ sở UBND tỉnh	Đông Hà		10.000	10.000	10.000	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm	Quyết định đầu tư được duyệt			Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Ghi chú			
			Số quyết định	TMĐT						
		Tổng số		Trong đó: NSDP						
-	Hỗ trợ các huyện đăng ký xây dựng huyện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025					40.000				
-	Đường kết nối điểm du lịch thác Ba Voi	Dakrông				20.000	32/TB-UBND ngày 17/3/2021			
-	Hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã	Tàolan tỉnh				10.000	Thực hiện QĐ số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020			
-	Hệ thống thoát nước khu vực trường THCS Phan Đình Phùng và khu phố 2 phường 5	Đông Hà				15.800	+ Vốn ngân sách thành phố và vốn đất cho nhà đầu tư sử dụng			
-	Đường ven biển kết nối với hành lang kinh tế Đông Tây	VL, TP, GL, DH	105/NQ-HĐND 09/12/2020			2.060.000	560.000	161.000		
II	NGUỒN THU TỪ ĐẦU GIẢ, ĐẦU THẦU CÁC KHU ĐẤT CHO NHÀ ĐẦU TƯ SỬ DỤNG									
1	Đo đạc địa chính và quy hoạch phát triển đất									
2	Dự án phát triển quỹ đất và công trình phát triển KTXH khác									
a	Dự án chuyển tiếp									
-	Cầu kết nối khu đô thị Bắc sông Hiếu với trung tâm thành phố Đông Hà	Đông Hà	447/QĐ-UBND ngày 02/3/2018; 814/QĐ-UBND ngày 12/4/2019			334.000		25.000	11.553	Hoàn trả vốn ứng trước
-	Rà phá bom, mìn, vật liệu nổ Khu A thuộc Khu công nghiệp Tây Bắc Hồ Xá	Vinh Linh	2244/QĐ-UBND ngày 17/10/2014			12.465		12.465	3.900	Trả nợ KLHT

STT	Danh mục dự án	Địa điểm	Quyết định đầu tư được duyệt				Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Ghi chú
			Số quyết định	TMĐT		Trong đó: NSDP		
				Tổng số				
-	Hoàn thiện CSHT một số tuyến chính tại KKT TM Đặc biệt Lao Bảo (giai đoạn 2)	Hương Hóa	2383/QĐ-UBND ngày 10/10/2014; 629/QĐ-UBND ngày 31/3/2017	101.149	15.149	3.947	Thanh toán KLHT	
-	Hệ thống tưới tiêu toàn tỉnh	Toàn tỉnh	2385/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	104.742	44.742	8.000	Hoàn thành	
-	Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện Hải Lăng (giai đoạn 1)	Hải Lăng	189/QĐ-UBND ngày 14/4/2020	37.400	15.533	6.000	Hỗ trợ xây dựng huyện NTM	
b	Dự án khởi công mới							
-	Tạo quỹ đất sạch để đầu tư các khu đất công cho các tổ chức, doanh nghiệp thuê đất	Đông Hà		30.000	30.000	5.000		
-	Nâng cấp đường DH43 huyện Triệu Phong	TP	1989/QĐ-UBND 22/10/2020 (của huyện)	14.825	14.000	14.000	1810/UBND-CN ngày 24/4/2020	
-	Đường gom từ các lối tự mở đến đường ngang qua đường sắt trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2020-2022	Toàn tỉnh	1823/QĐ-UBND 09/7/2020	14.856	10.400	10.300	KH 16-20 đã giao nhưng không thu được nên chưa thực hiện	
-	Xây dựng hệ thống camera giám sát trật tự an toàn giao thông, kết hợp giám sát an ninh trật tự tại các khu vực trọng yếu trên địa bàn tỉnh Quảng Trị	Toàn tỉnh	2631/QĐ-UBND 30/9/2019	14.997	5.000	5.000	KH 16-20 đã giao nhưng không thu được nên chưa thực hiện	
-	Xây dựng hệ thống thoát nước đường Lý Thường Kiệt (đoạn Km1+784 - Km2+860), TP Đông Hà	Đông Hà	2631/QĐ-UBND 30/9/2019	5.000	5.000	5.000		
-	Đường Nguyễn Trãi nói dài (đoạn từ quốc lộ 9 đến đường Trần Bình Trọng)	Đông Hà	91/NQ-HĐND ngày 03/12/2020	24.000	20.000	17.000		

STT	Danh mục dự án	Địa điểm	Quyết định đầu tư được duyệt				Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Ghi chú
			Số quyết định	TMĐT		Trong đó: NSDP		
	Tổng số							
-	Chợ trung tâm khu vực Tà Rụt, huyện Dakrông	Dakrông	120/NQ-HĐND ngày 04/12/2020	5.000	3.000	3.000	122/TB-UBND ngày 10/9/2020	
-	Khen thưởng huyện Cam Lộ đạt chuẩn nông thôn mới	Cam Lộ		10.000	5.500	5.500	+ Vốn nông thôn mới 4,5 tỷ đồng	
-	Nâng cấp một số tuyến đường nội thị thị trấn Khe Sanh, huyện Hướng Hóa	Hướng Hóa	3588/QĐ-UBND 03/12/2020	12.000	9.100	9.100	+ Vốn NS huyện cân đối	
-	Đường hầm sơ chỉ huy thống nhất thời chiến của lãnh đạo Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Quảng Trị (Mật danh: CH5-02) (giai đoạn 2)	Dakrông	97/NQ-HĐND 9/12/2020	31.000	31.000	18.000	+ Vốn NSTT 13 tỷ đồng	
-	Kênh tiêu thoát nước Khu phố 3 phường An Đông, TX Quảng Trị (liên kết với khu vực phát triển đô thị Bắc Thành Cổ)	Quảng Trị	89/NQ-HĐND 03/12/2020	5.000	5.000	5.000	51/TB-UBND ngày 08/5/2020	
-	Giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án nâng cấp, mở rộng quốc lộ 9 đoạn từ quốc lộ 1A đến cảng Cửa Việt	Gio Linh	10/NQ-HĐND 10/3/2021	75.052	75.000	75.000		
-	Chi thực hiện các dự án từ nguồn Chính phủ vay về cho vay lại			12.000	12.000	12.000		
-	Bến xe kết hợp dịch vụ tổng hợp khu vực Cửa Việt; hạng mục san nền và sân bãi đỗ xe	Gio Linh	3583/QĐ-UBND 24/12/2019	5.665	2.935	2.900	+ Vốn thu đầu giá SP nạo vét đường thủy nội địa	
-	Trụ sở Tỉnh ủy	Đông Hà		200.000	100.000	100.000	+ vốn NSTW	
-	Nhà thiếu nhi tỉnh	Đông Hà		30.000	30.000	30.000		
-	Cải tạo, sửa chữa trụ sở UBND tỉnh	Đông Hà		30.000	30.000	30.000		
-	Khu tái định cư xã Hải An, huyện Hải Lăng (giai đoạn 2)	Hải Lăng		180.000	30.000	30.000	+ vốn NSTW	
-	Đề án đầu tư nâng cấp, cải tạo một số trụ sở cấp xã	Toàn tỉnh		40.800	40.800	40.800		

STT	Tên dự án	Địa điểm	Quyết định đầu tư được duyệt			Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Ghi chú
			Số quyết định	TMĐT			
				Tổng số	Trong đó: NSDP		
-	Hệ thống thoát nước khu vực trường THCS Phan Đình Phùng và khu phố 2 phường 5	Đông Hà		51.000	20.000	4.200	+ Vốn NS thành phố và vốn đất ở tại Đông Hà
-	Giải phóng mặt bằng để xây dựng dự án Cảng hàng không Quảng Trị	Gio Linh	09/NQ-HBND ngày 10/3/2021	233.103	40.000	40.000	+ vốn NSTW
-	Đường ven biển kết nối với hành lang kinh tế Đông Tây	VL, TP, GL, DH	105/NQ-HBND 09/12/2020	2.060.000	560.000	380.300	
III	NGUỒN THU ĐẦU GIẢ QSD ĐẤT Ở TẠI KKT THUỐNG MẠI ĐẶC BIỆT LAO BẢO					20.000	
1	Đo đạc địa chính và quy hoạch triển đất					3.000	
2	Các công trình phát triển quy hoạch và phát triển KTXH khác					17.000	
a	Dự án chuyển tiếp						
-	Hoàn thiện CSHT một số tuyến chính tại KKT TM Đặc biệt Lào Bảo (giai đoạn 2)	Hương Hóa	629/QĐ-UBND ngày 31/3/2017	101.149	15.149	3.000	Hoàn thiện một số công trình dở dang
-	Công chính KCN Quán Ngang	Gio Linh	2448/QĐ-UBND ngày 21/10/2014	5.748	1.000	1.000	Thanh toán KLHT
-	Rà phá bom, mìn, vật liệu nổ Khu A thuộc Khu công nghiệp Tây Bắc Hồ Xá	Vĩnh Linh	2244/QĐ-UBND ngày 17/10/2014	12.465	12.465	2.100	Thanh toán KLHT
b	Dự án khởi công mới						
-	Hạ tầng kỹ thuật bãi chõ xuất và bãi trung chuyển tại cửa khẩu quốc tế Lào Bảo	Hương Hóa		91.900	1.900	1.900	+ Vốn NSTW
-	Sân nền và hạ tầng thiết yếu tại khu vực cửa khẩu quốc tế La Lay (giai đoạn 2)	Dakrông	94/NQ-HBND 09/12/2020	94.000	9.000	9.000	+ Vốn NSTW
B	CẤP HUYỆN QUẢN LÝ					2.100.000	
1	Thành phố Đông Hà					750.000	
2	TX Quảng Trị					100.000	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm	Quyết định đầu tư được duyệt			Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Ghi chú
			Số quyết định	TMDT			
		Tổng số		Trong đó: NSDP			
3	Vĩnh Linh					385.000	
4	Hướng Hóa					75.000	
5	Gio Linh					125.000	
6	Hải Lăng					300.000	
7	Triệu Phong					125.000	
8	Cam Lộ					200.000	
9	Dakrông					40.000	

Biểu số 6
TỔNG HỢP DANH MỤC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021 - 2025
NGUỒN VỐN XỔ SỞ KIẾN THIẾT

DVT: Triệu đồng

STT	Danhh mục dự án	Địa điểm XD	Quyết định đầu tư được phê duyệt				Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Trong đó: NSDP		
				Tổng số				
	TỔNG CỘNG							
I	GIÀO DỤC, ĐÀO TẠO VÀ GIÀO DỤC NGHỀ NGHIỆP							
*	<i>Các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021-2025</i>							
-	Trường THPT Chế Lan Viên; hạng mục Nhà đá năng	Cam Lộ	774/QĐ-UBND, ngày 13/5/2019	5.500	5.500	1.500	Hỗ trợ đạt chuẩn NTM	
-	Trường THPT Lê Thế Hiếu; hạng mục Nhà đá năng	Cam Lộ	848/QĐ-UBND, ngày 16/5/2019	4.500	4.500	1.500	Hỗ trợ đạt chuẩn NTM	
-	Trường Tiểu học Càng, Hải Chánh	Hải Lăng	3522/QĐ-UBND ngày 30/10/2018	4.500	3.500	990	Hoàn thành	
-	Trường Tiểu học Triệu Sơn	Triệu Phong	1836/QĐ-UBND ngày 31/10/2018 UBND huyện TP	5.000	4.000	500	Hoàn thành	
-	Trung tâm bồi dưỡng chính trị TP Đông Hà	TP Đông Hà	2997/QĐ-UBND ngày 31/10/2019	8.500	7.000	5.000	Hoàn thành	
-	Trường Tiểu học và THCS xã Triệu Độ, huyện Triệu Phong	Triệu Phong	2558/QĐ-UBND 31/12/2020 của huyện TP	5.000	4.500	4.300	Hoàn thành	
-	Trường Mầm non Hải Thái, huyện Gio Linh	Gio Linh	4382/QĐ-UBND 25/12/2020 của huyện GL	6.000	5.500	4.750	Hoàn thành	

KS

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư được phê duyệt		Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Ghi chú
				TMDT Tổng số	Trong đó: NSDP		
-	Trường Tiểu học Hàm Nghi, TP Đông Hà. Hạng mục: Nhà hiệu bộ	TP Đông Hà	3096/QĐ-UBND 31/12/2020 của Tp Đ. Hà	4.600	4.400	4.300	Hoàn thành
*	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025			18.000	16.300	16.500	
-	Cải tạo nhà hiệu bộ Trường Cao đẳng kỹ thuật tỉnh Quảng Trị	TP Đông Hà		5.000	5.000	5.200	
-	Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Vĩnh Linh, hạng mục: Xây mới nhà hội trường và các hạng mục phụ trợ	Vĩnh Linh		7.000	6.000	6.000	
-	Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Cam Lộ	Cam Lộ		6.000	5.300	5.300	
II	Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH			125.100	124.600	101.160	
*	Các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021-2025			41.250	40.750	18.310	
-	Quyết toán các công trình hoàn thành					2.500	
-	Phòng khám Đa khoa khu vực Bồ Bàn	Triệu Phong	2778/QĐ-UBND ngày 30/10/2016	25.600	25.600	5.600	
-	Khoa y học nhiệt đới bệnh viện đa khoa khu vực Triệu Hải	Quảng Trị	2757/QĐ-UBND 11//2018	9.000	9.000	4.410	
-	Sửa chữa một số hạng mục Trung tâm y tế huyện Hướng Hóa	HH	3710/QĐ-UBND ngày 30/12/2019	650	650	500	
-	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm Y tế huyện Cam Lộ	Cam Lộ	2727/QĐ-UBND 28/12/2020 của huyện CL	6.000	5.500	5.300	
*	Các dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025			83.850	83.850	82.850	
-	Cải tạo, sửa chữa Bệnh viện Đa khoa tỉnh	Đông Hà		7.000	7.000	7.000	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quyết định đầu tư được phê duyệt				Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Trong đó: NSDP		
				Tổng số				
-	Xây mới Khoa Y học cổ truyền và PHCN Trung tâm y tế huyện Triệu Phong	Triệu Phong		6.000	6.000	6.000		
-	Khu nhà kỹ thuật và cải tạo sửa chữa các khoa phòng Bệnh viện Mắt	Đông Hà		12.000	12.000	3.000	+ Vốn NSTT	
-	Cải tạo, sửa chữa TTYT thành phố Đông Hà	Đông Hà		4.000	4.000	4.000		
-	Xây dựng mở rộng Khoa Sản, Nhi - Bệnh viện đa khoa Khu vực Triệu Hải	TX Quảng Trị		7.000	7.000	7.000		
-	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm y tế huyện Gio Linh	Gio Linh		4.500	4.500	4.500		
-	Cải tạo, sửa chữa Bệnh viện chuyên khoa Lao và bệnh phổi	Đông Hà		3.350	3.350	3.350		
-	Cải tạo, nâng cấp Bệnh viện Y học cổ truyền và Phục hồi chức năng tỉnh	Vĩnh Linh		4.000	4.000	4.000		
-	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm y tế huyện Hướng Hóa	Hướng Hóa		7.000	7.000	7.000		
-	Xây mới khu xét nghiệm TTYT huyện Đakrông	Đakrông		3.000	3.000	3.000		
-	Hệ thống xử lý khí thải và cải tạo nhà làm việc trung tâm kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm	Đông Hà		3.000	3.000	3.000		
-	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm y tế huyện Cam Lộ	Cam Lộ		3.000	3.000	3.000		
-	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm y tế TX Quảng Trị	TX Quảng Trị		2.000	2.000	2.000		
-	Hỗ trợ đầu tư nâng cấp các trạm y tế xã							

25

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quyết định đầu tư được phê duyệt				Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số TMBT	Trong đó: NSDP			
+	Huyện Vĩnh Linh (Vĩnh Thái, Vĩnh Khê)	Vĩnh Linh		8.000	8.000	8.000	Hỗ trợ đạt chuẩn NTM	
+	Huyện Hải Lăng (7 trạm y tế)	Hải Lăng		6.000	6.000	6.000		
+	Huyện Cam Lộ (Cam Nghĩa)	Cam Lộ		4.000	4.000	4.000		
+	Thành phố Đông Hà (Phường 2, Phường 4, Đông Giang, Đông Thanh)	Đông Hà		8.000	8.000	8.000		
III	CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG, PHỨC LỢI XÃ HỘI			124.400	41.033	29.500		
*	<i>Các dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2016 - 2020 sang giai đoạn 2021-2025</i>			108.400	25.533	14.000		
-	Trung tâm Văn hóa - Thể thao huyện Hải Lăng	Hải Lăng	189/QĐ-UBND ngày 14/4/2020 UBND huyện HL	37.400	15.533	4.000	Tinh hỗ trợ	
-	Nhà văn hóa huyện Vĩnh Linh	Vĩnh Linh	4606/QĐ-UBND 28/12/2020 của huyện VL	71.000	10.000	10.000	Tinh hỗ trợ	
*	Dự án khởi công mới giai đoạn 2021-2025			16.000	15.500	15.500		
-	Hệ thống thoát nước và điện chiếu sáng Khu di tích Chính phủ cách mạng lâm thời cộng hòa miền nam Việt Nam	Cam Lộ	2795/QĐ-UBND 28/12/2020 của huyện CL	6.000	5.500	5.500	+ Vốn NS huyện cần đối 4469/UBND-TH ngày 1/10/2020	
-	Hỗ trợ Sân vận động huyện Đakrông	Đakrông	2713/QĐ-UBND 28/12/2020 của huyện ĐK	5.000	5.000	5.000	122/KL-UBND ngày 10/9/2020	
-	Hỗ trợ Sân vận động huyện Hải Lăng	Hải Lăng		5.000	5.000	5.000	44/TB-UBND ngày 5/4/2021	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Quyết định đầu tư được phê duyệt			Kế hoạch trung hạn 2021-2025	Ghi chú
			Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số TMBT	Trong đó: NSDP		
IV	Hỗ trợ xây dựng Nông thôn mới						
-	Huyện Hải Lăng					30.000	Hỗ trợ các huyện đăng ký về đích theo NQ DB huyện
-	Huyện Triệu Phong					7.500	
-	Huyện Vĩnh Linh					7.500	
-	Huyện Gio Linh					7.500	